



XANH nguồn lực
sáng tương lai

2014
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NỘI DUNG

04 _ Thư gửi cổ đông



THÔNG TIN CÔNG TY

- 08 _ Tổng quan về CNG VIETNAM
- 09 _ Sứ mệnh - Tầm nhìn - Giá trị cốt lõi
- 10 _ Lịch sử hình thành và phát triển
- 12 _ Các chỉ tiêu tài chính nổi bật
- 14 _ Những thành tựu phát triển
- 15 _ Lĩnh vực và địa bàn hoạt động
- 16 _ Năng lực kinh doanh
- 17 _ Vị thế công ty
- 18 _ Tổ chức và nhân sự



BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 30 _ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 34 _ Tình hình tài chính
- 38 _ Báo cáo của Ban Giám đốc
- 42 _ Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 46 _ Thị trường dầu khí năm 2014 và triển vọng
- 52 _ Định hướng phát triển
- 54 _ Kế hoạch năm 2015

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

LPG	: Khí hóa lỏng (hay còn gọi là Gas)
CNG	: Khí nén thiên nhiên
PVN	: Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam
PVGas	: Tổng Công ty Khí Việt Nam
PVGas D	: Công ty CP Khí thấp áp
PVGas South	: Công ty cổ phần Khí hóa lỏng miền Nam
CNG VIETNAM	: Công ty CP CNG Việt Nam
ĐHCD	: Đại Hội Cổ Đông
ĐHĐCD	: Đại Hội Đồng Cổ Đông
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
Ban TGD	: Ban Tổng Giám đốc
BKS	: Ban Kiểm soát
CB-CNV	: Cán Bộ Công Nhân Viên



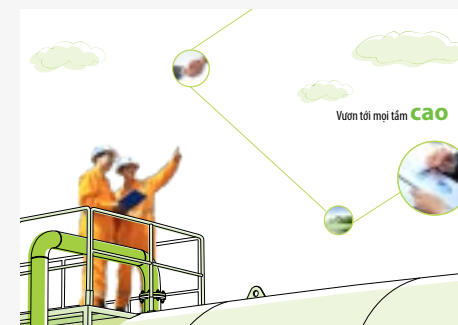
QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 58 _ Hội đồng quản trị
- 61 _ Ban Kiểm soát
- 63 _ Các giao dịch, thù lao của Ban Điều hành
- 65 _ Thông tin cổ đông
- 66 _ Quản trị rủi ro



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 74 _ Tổng quan
- 75 _ Rủi ro và cơ hội
- 76 _ Chiến lược phát triển bền vững
- 77 _ Quản trị phát triển bền vững
- 78 _ Sự tham gia của các bên liên quan
- 81 _ Hiệu quả kinh tế, thành tích môi trường và xã hội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 100 _ Báo cáo của ban giám đốc
- 102 _ Báo cáo kiểm toán độc lập
- 104 _ Bảng cân đối kế toán
- 106 _ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 107 _ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 108 _ Thuyết minh báo cáo tài chính

PHỤ LỤC

- 127 _ Bảng tham chiếu đến tiêu chuẩn GRI



TRONG THỜI GIAN QUA, CNG VIETNAM KHÔNG CHỈ PHẤN ĐẤU ĐỂ THỰC HIỆN TỐT CÁC MỤC TIÊU KINH DOANH ĐỂ RA MÀ CÒN TỰ NGUYỆN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH TRONG VIỆC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẠI ĐỊA PHƯƠNG, PHÁT TRIỂN XÃ HỘI VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG.

138 TỶ ĐỒNG
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Kính thưa quý vị

Năm 2014 được nhận định là năm có nhiều diễn biến khó khăn, kinh tế chưa hoàn toàn hồi phục, từ tình hình Biển Đông tới các biện pháp trừng phạt kinh tế của các nước EU và Mỹ đối với Liên bang Nga đã khiến giá dầu thô từ tháng 10/2014 liên tục suy giảm mạnh, xuống mức dưới 60 USD/thùng, thấp nhất trong 5 năm qua... ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của ngành dầu khí nói chung và của CNG VIETNAM nói riêng. Trước tình hình trên, HĐQT CNG VIETNAM đã chủ động đề ra các chủ trương, chiến lược kinh doanh hợp lý, xây dựng nhiều kịch bản nhằm ứng phó kịp thời với những diễn biến phức tạp của thị trường và diễn biến khó lường của giá dầu với mục tiêu hoàn thành đến mức cao nhất kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2014 được ĐHCĐ giao đều vượt kế hoạch. Cụ thể:

Sản lượng CNG tiêu thụ vượt kế hoạch và đạt	: 75 triệu Sm³
Lợi nhuận trước thuế vượt kế hoạch và đạt	: 138 tỷ đồng
Lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch và đạt	: 112 tỷ đồng
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	: 26,3%

Mặc dù kết quả thực hiện của Công ty trong năm 2014 là khả quan, nhưng Ban Lãnh đạo Công ty nhận định nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 là không ít thách thức. Với giá dầu như hiện tại, hoạt động của CNG VIETNAM sẽ biến động nhiều, giá dầu đi xuống đồng nghĩa với hiệu quả kinh doanh giảm. Bên cạnh đó, giá khí đầu vào của Công ty trong những năm vừa qua lại có xu hướng tăng dần. Từ thực tế này, Ban Lãnh đạo Công ty đã đề ra một số định hướng nhằm xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 trên cơ sở phân tích kỹ lưỡng với các nhiệm vụ trọng tâm của CNG VIETNAM trong năm 2015 sẽ bao gồm: Thứ nhất là, áp dụng nhiều phương thức tiếp cận, đẩy mạnh quảng cáo tiếp thị trên cơ sở lợi thế về tính ưu việt và giá cả của sản phẩm cũng như chủ động tìm hiểu công nghệ để mở rộng và phát triển thị trường. Thứ hai là, có chính sách giá hợp lý, ổn định, phù hợp và linh động để có thể vừa giữ được khách hàng mà đảm bảo được lợi nhuận trong dài hạn. Thứ ba là, kiểm soát chặt chẽ giá thành, rà soát các chi phí hoạt động để giảm chi phí, đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đảm bảo các nhiệm vụ kinh tế cho năm tài chính 2015.

Trong thời gian qua, CNG VIETNAM không chỉ phấn đấu để thực hiện tốt các mục tiêu kinh doanh để ra mà còn tự nguyện thực hiện trách nhiệm của mình trong việc hỗ trợ phát triển kinh tế tại địa phương, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Hoạt động của CNG VIETNAM đã tạo ra công ăn việc làm, đầu tư cơ sở hạ tầng, nguồn thu cho nhà nước và cộng đồng địa phương. Thực hiện nhiều công tác an sinh xã hội hướng về cộng đồng giúp cải thiện chất lượng cuộc sống cho nhiều người dân. Trong chặng đường phát triển hơn 7 năm của mình, CNG VIETNAM đã tiên phong trong ngành công nghiệp khí thiên nhiên tại Việt Nam. Bây giờ, khi CNG VIETNAM là một nhà cung cấp năng lượng hàng đầu, an toàn, đáng tin cậy và thân thiện với môi trường, CNG VIETNAM vẫn luôn đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Điều này được thể hiện đậm nét trong triết lý hoạt động của Công ty là "Đáp ứng nhu cầu năng lượng sạch trong nước mà không làm tổn hại đến môi trường, an toàn trong vận hành, giá cả phải chăng, bền vững và là nguồn năng lượng đáng tin cậy cho tương lai" và sẽ được trình bày một cách cụ thể trong báo cáo thường niên này.

Một lần nữa, xin chân thành cảm ơn tất cả các cổ đông, các khách hàng và các bên liên quan luôn ủng hộ chúng tôi trong suốt trong thời gian qua. Tôi tin tưởng rằng, CNG VIETNAM luôn nhận được sự hỗ trợ, nỗ lực hợp tác với các khách hàng và các bên liên quan trong việc tìm kiếm những con đường mới và đáng tin cậy cho nguồn năng lượng sạch, bền vững sẽ giúp đáp ứng nhu cầu năng lượng ngày càng tăng của một Việt Nam thịnh vượng. Đó là những điều mà các cổ đông, các khách hàng và cộng đồng luôn mong chờ hơn nữa từ chúng tôi.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng kính chào,

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Vũ Tuấn Ngọc**

Từ nguồn năng lượng **xanh**



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Tên giao dịch : Công ty cổ phần CNG Việt Nam
 Tên tiếng Anh : CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY
 Tên viết tắt : CNG VIETNAM
 Logo Công ty



Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 492032000040 (đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 05 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 21 tháng 4 năm 2014 do Ban Quản lý Khu công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : **270.000.000.000** đồng (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)
 Địa chỉ đăng ký : Đường số 15 - KCN Phú Mỹ 1 - Huyện Tân Thành - Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.
 Địa chỉ giao dịch : Tầng 7, Tòa nhà Gas Tower số 61B đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu.
 Số điện thoại : 0643.574635
 Số fax : 0643.574619
 Website : www.cng-vietnam.com
 Mã cổ phiếu : **CNG**

TẦM NHÌN: Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIETNAM trở thành thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.

SỨ MỆNH: Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI:
 Phát triển bền vững cùng cộng đồng xã hội và thân thiện với môi trường.

270 TỶ ĐỒNG
VỐN ĐIỀU LỆ

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

CNG VIETNAM tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 (sáu mươi bảy tỷ hai trăm triệu đồng) với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Công ty cổ phần phân phối Khí thấp áp (PVGas D).

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG VIETNAM sang Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam - PVGas South. CNG VIETNAM tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án: CNG Việt Nam điều chỉnh Nhà máy CNG Phú Mỹ nâng công suất lên 70 triệu Sm³

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, Công ty đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67,2 tỷ đồng lên 125 tỷ đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược của Công ty theo Nghị quyết số 314/NQ - ĐHĐCĐ/2010 của ĐHĐCĐ ngày 02/04/2010.

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh chính thức đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế CNG chính thức đạt 70 triệu Sm³ cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP Hồ Chí Minh, Long An.

Căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011) HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ - HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213,28 tỷ đồng.

Ngày 25/9/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213,28 tỷ đồng lên 270 tỷ đồng.

Ngày 15/4/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 4/NQ - HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

2007



2008

2009



2010

2011



2012

2013



2014

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm dầu khí - Công ty Cổ phần (DMC) (51% vốn điều lệ);
- Công ty IEV Energy Sdn. Bhd. (Malaysia) (42% vốn điều lệ);
- Công ty TNHH Sơn Anh (7% vốn điều lệ).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu m³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

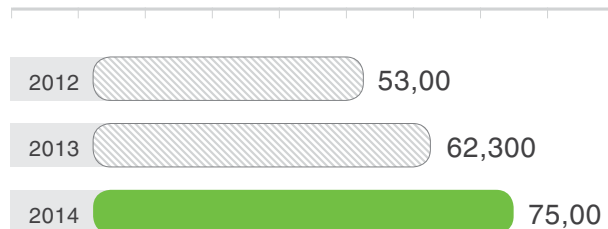
Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã xây dựng và triển khai áp dụng hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng - Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 1400:2004 được BSI (Viện tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203,1 tỷ đồng, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh cấp quyết định số 167/2011/QĐ - SGDHCM, chấp thuận việc đăng ký niêm yết cổ phiếu CNG trên sàn giao dịch. Ngày 23/11/2011 cổ phiếu CNG chính thức được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (Hose) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG

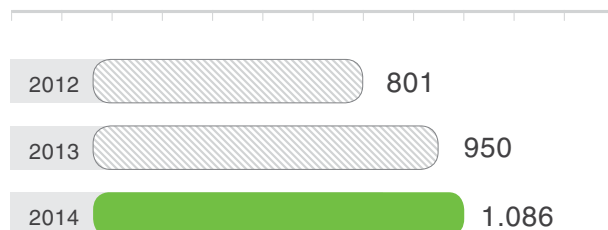
Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ - HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

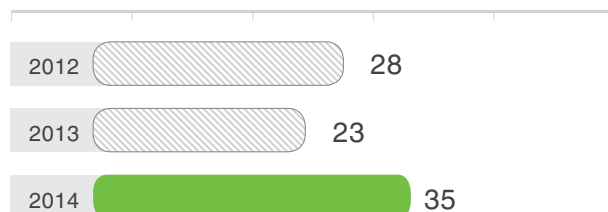
NGÀY 08/07/2014, HĐQT CÔNG TY RA QUYẾT ĐỊNH SỐ 176/QĐ-CNG PHÊ DUYỆT QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHI NHÁNH CÔNG TY TẠI MIỀN BẮC.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (triệu Sm³)

DOANH THU THUẦN (tỷ đồng)



KHÁCH HÀNG TIÊU THỤ

75 TRIỆU SM³

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ NĂM 2014

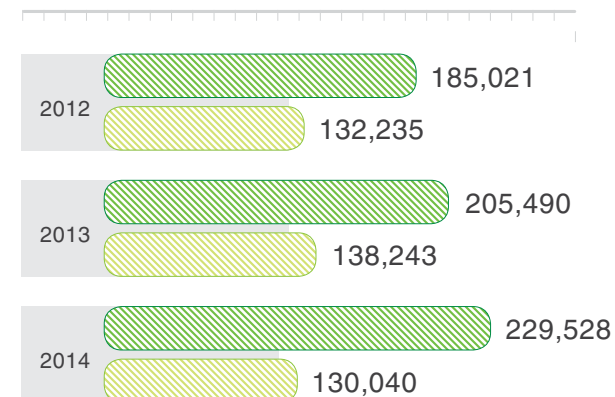
1.086 TỶ ĐỒNG

DOANH THU THUẦN NĂM 2014

229,528 TỶ ĐỒNG

LỢI NHUẬN GỘP NĂM 2014

LỢI NHUẬN (tỷ đồng)



: Lợi nhuận gộp

: Lợi nhuận trước thuế

1.101,09 TỶ ĐỒNG

TỔNG DOANH THU NĂM 2014



Kết thúc năm tài chính 2014, tổng doanh thu Công ty đạt 1.101,09 tỷ đồng, tăng 14% so với kết quả năm 2013, vượt 8% kế hoạch đề ra.

NHỮNG THÀNH TỰU PHÁT TRIỂN

- Bằng khen Thủ tướng chính phủ
- Bằng khen Đơn vị thi đua xuất sắc do Thủ Tướng chính phủ trao tặng, năm 2011
- Bằng khen Bộ công Thương
- Bằng khen Tập đoàn dầu khí Việt Nam
- Chứng chỉ Hệ thống Quản lý ATCLMT do BSI cấp năm 2010
- Giải Top 50 BCTN tốt nhất năm 2011
- Giải Top 50 BCTN tốt nhất năm 2012
- Giải top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2012
- Giải Top 20 BCTN tốt nhất năm 2013
- Giải thưởng Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam năm 2013
- Đón nhận Huân chương lao động hạng 3 và Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ năm 2014.

HUÂN CHƯƠNG
LAO ĐỘNG
HẠNG 3

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.
- Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.
- Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật.
- Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí.
- Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN

Năm phát hành	Các lần tăng vốn	Vốn điều lệ tăng thêm (tỷ đồng)	Vốn điều lệ lũy kế (tỷ đồng)	Hình thức tăng vốn
2007	19,2		19,2	
2008	19,2	48	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và thưởng cổ phiếu
2012	203,1	10,2	213,3	Esop cho CBCNV
2013	213,3	56,7	270,0	Esop cho CBCNV và thưởng cổ phiếu

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác, bao gồm: Bà Rịa Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh, Long An, Bình Thuận. Công ty tiếp tục mở rộng thị trường, địa bàn hoạt động kinh doanh ra các tỉnh miền Bắc, miền Trung và các khu vực khác theo chiến lược của Công ty.



CƠ SỞ VẬT CHẤT KỸ THUẬT CŨNG NHƯ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY BAO GỒM: HỆ THỐNG MÁY MÓC THIẾT BỊ TẠI NHÀ MÁY CNG PHÚ MỸ, HỆ THỐNG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN KHÍ CHUYÊN DỤNG VÀ HỆ THỐNG TRẠM GIẢM ÁP ĐẶT TẠI CÁC KHÁCH HÀNG.



MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY LÀ XÂY DỰNG CÔNG TY TRỞ THÀNH MỘT CÔNG TY CỔ PHẦN MẠNH TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CÁC SẢN PHẨM NHIÊN LIỆU SẠCH, ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG RỘNG KHẮP CẢ NƯỚC, PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG ĐẢM BẢO AN TOÀN, HIỆU QUẢ VÀ TRỞ THÀNH NHÀ CUNG CẤP NHIÊN LIỆU CHÍNH CHO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG VẬN TẢI.



95 triệu Sm³
khí/năm
**TỔNG CÔNG SUẤT NHÀ
MÁY SẢN XUẤT CNG**

17 hệ thống
**GIẢM ÁP ĐANG CẤP
KHÍ CHO KHÁCH HÀNG**

Nhà máy CNG Phú Mỹ: Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG VIETNAM đặt tại KCN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đưa vào vận hành từ 03/09/2008. Đến nay dự kiến sẽ mở rộng lên thành 95 triệu Sm³ khí/năm và luôn chạy với hiệu suất cao trên công suất thiết kế.

Hệ thống phương tiện vận chuyển: Bao gồm: 07 xe đầu kéo hiệu NISSAN, 35 bồn thép loại 40 feet (bao gồm cả rơmoóc), 24 bồn composite loại 40 feet và 4 bồn composite loại 20 feet. Tổng công suất vận chuyển tối đa của các thiết bị này là 95 triệu Sm³ khí/năm.

Hệ thống trạm giảm áp đặt tại các Khách hàng: Hệ thống các trạm giảm áp tại các khách hàng (PRU - Pressure Reducing Unit) bao gồm 17 hệ thống giảm áp đang cấp khí cho khách hàng. Mỗi trạm giảm áp gồm có hệ thống đường ống, các van giảm áp từ 250 bars xuống thấp hơn 7 bars, hệ thống đo đếm khí, hệ thống gia nhiệt và các thiết bị phụ trợ khác đi kèm nhằm đảm bảo các trạm này cấp khí an toàn và liên tục cho các khách hàng.

Hệ thống các trạm được thiết kế theo tiêu chuẩn ASME B31.3, 31.8, API, ANSI, IEC, NFPA... Đối với các bồn chứa được thiết kế, chế tạo theo các tiêu chuẩn ISO 11439, ISO 11119, ASME (đối với bồn loại composite) và DOT, ASME...(đối với bồn thép).

Công ty cũng có lợi thế hơn hẳn so với những doanh nghiệp kinh doanh các nhiên liệu truyền thống như than, dầu FO, DO... (sản phẩm thay thế) nhờ tính ưu việt của việc sử dụng khí CNG làm nhiên liệu thay thế. Tính ưu việt này thể hiện trên nhiều phương diện: Công nghệ, kinh tế và đặc biệt là về môi trường, cụ thể:

VỀ CÔNG NGHỆ

- CNG là khí tự nhiên nén, thành phần chủ yếu là CH₄ - metane (chiếm 85% - 95%) qua xử lý và nén ở áp suất cao (200 đến 250 bar) nên nhiệt trị cao, hiệu suất đốt cháy cao, dễ dàng điều chỉnh nhiệt độ buồng đốt, nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Khí tự nhiên chiếm ưu thế hơn hẳn về khả năng cấp nhiệt với cùng một khối lượng cấp nhiên liệu so với than, củi, DO, FO và LPG.
- Khí tự nhiên không độc hại cũng không gây ăn mòn thiết bị.
- Sử dụng khí tự nhiên làm tăng

tuổi thọ của hệ thống thiết bị: Nhiên liệu sạch nên không có muội than đóng trên các bề mặt làm việc của thiết bị, giảm đáng kể chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

VỀ MÔI TRƯỜNG

- Do thành phần đơn giản dễ xử lý để loại bỏ các hợp chất độc hại như SO_x, NO_x, CO₂, không có benzene và hydrocarbon thơm kèm theo, nên khi đốt nhiên liệu này không giải phóng nhiều khí độc như SO₂, NO₂, CO..., và hầu như không phát sinh bụi.
- Thành phần chính trong khí thải của quá trình đốt khí tự nhiên chủ yếu là H₂O và CO₂ và một tỷ lệ không đáng kể các chất gây ô nhiễm môi trường là CO, NO_x, HC, SO_x và muội than. Hàm lượng khói thải gần như bằng không, hàm lượng CO₂, CO, Hydrocarbon thấp hơn so với nhiên liệu xăng dầu.
- Khí tự nhiên được tàng chứa trong hệ thống khép kín và không bị bay hơi ra không khí như xăng dầu, do đó không thải

Hydrocarbon ra môi trường, không tạo ozon là nguyên nhân gây hiệu ứng nhà kính.

VỀ HIỆU QUẢ KINH TẾ

Khí tự nhiên rẻ hơn nhiều so với một số loại nhiên liệu như DO, FO, LPG, điện, nên việc sử dụng khí tự nhiên sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí nhiên liệu trong quá trình sản xuất.

Các Trạm giảm áp (PRU) được hiện đại hóa, cải tiến liên tục, phù hợp với đối tượng khách hàng nên tiết kiệm được diện tích đất cũng như chi phí vận hành.

Chất lượng sản phẩm được nâng cao cũng góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất và tính kinh tế của việc sử dụng khí CNG.

Nhìn chung, Công ty có ưu thế vượt trội so với các doanh nghiệp kinh doanh nhiên liệu truyền thống, đặc biệt trong tương lai ưu thế này càng rõ hơn khi mà sự phát triển của nền kinh tế xã hội đòi hỏi phải là sự phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CNG VIETNAM hoạt động theo mô hình công ty cổ phần theo cơ cấu tổ chức trực tuyến chức năng và không có đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần CNG VIETNAM được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua. CNG VIETNAM có cơ cấu tổ chức như sau:



GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **VŨ TUẤN NGỌC**

Chủ tịch HĐQT

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1957
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Đại diện sở hữu cổ phần: **5.662.663**
 Cổ phần nắm giữ cá nhân: **69.030**

Ông **ĐẶNG VĂN VĨNH**

Thành viên HĐQT kiêm TGD

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1967
 Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ
 Quản trị kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **3.648.000**
 Cổ phần nắm giữ cá nhân: **67.006**

Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**

Thành viên HĐQT kiêm phó TGD

Giới tính: Nữ
 Năm sinh: 1973
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
 vận tải biển, cử nhân kế toán kiểm toán;
 Thạc sỹ tài chính ngân hàng

Đại diện sở hữu cổ phần: **0**
 Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**

Ông **TRẦN VĂN NGHỊ**

Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam
 Năm sinh: 1975
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa vật lý

Đại diện sở hữu cổ phần: **5.593.600**
 Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**

Bà **LÊ THỊ THU GIANG**

Thành viên HĐQT Độc lập

Giới tính: Nữ
 Năm sinh: 1973
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính
 kế toán, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **0**
 Cổ phần nắm giữ: **625**

GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



Ông HUỖNH LÂM KIỆT
Trưởng Ban Kiểm soát



Giới tính: Nam
Năm sinh: 1986
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **16**

Bà TRẦN THỊ THU HIỀN
Thành viên Ban Kiểm soát



Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán, cử nhân luật

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **354**

Bà PHẠM THỊ LOAN PHƯỢNG
Thành viên Ban Kiểm soát



Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1988
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh, cử nhân kế toán

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **86**



GIỚI THIỆU BAN TỔNG GIÁM ĐỐC & KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông **ĐẶNG VĂN VĨNH**
Tổng Giám đốc



Giới tính: Nam
Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Đại diện sở hữu cổ phần: **3.648.000**
Cổ phần nắm giữ cá nhân: **67.006**

Những thay đổi trong Ban Điều hành:

- ▣ Thay đổi Tổng Giám đốc: Không.
- ▣ Thay đổi phó Tổng Giám đốc: Không.
- ▣ Thay đổi Kế toán trưởng: Hội đồng Quản trị Công ty ra Quyết định số 334/NQ-CNG về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Mạnh Hùng giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 16/12/2014.



Ông **BÙI VĂN ĐẢN**
Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật



Giới tính: Nam
Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **6**



Ông **TRẦN QUANG ĐÁN**
Phó Tổng Giám đốc KHĐT



Giới tính: Nam
Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy xây dựng, kỹ sư quản trị doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **45.592**



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Giới tính: Nữ
Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển, cử nhân kế toán kiểm toán; Thạc sỹ tài chính ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: **0**



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Kế toán trưởng

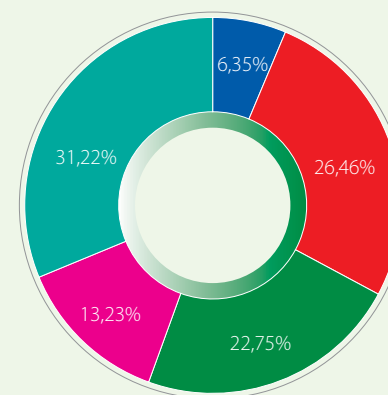


Giới tính: Nam
Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính ngân hàng

Số cổ phần CNG cá nhân nắm giữ: **0**

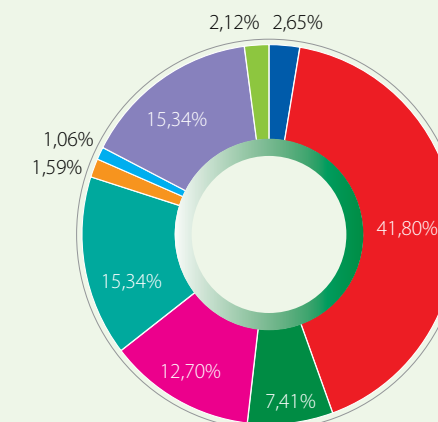


Cơ cấu lao động theo độ tuổi



■ Dưới 25 tuổi
 ■ Từ 25 đến dưới 30 tuổi
 ■ Từ 30 đến dưới 35 tuổi
 ■ Từ 35 đến dưới 40 tuổi
 ■ Từ 40 tuổi trở lên

Cơ cấu lao động theo trình độ



■ Thạc sĩ
 ■ Đại học
 ■ Cao đẳng
 ■ Trung cấp
 ■ Công nhân kỹ thuật
 ■ Sơ cấp
 ■ Trung học chuyên nghiệp
 ■ Lái xe
 ■ Lao động phổ thông

CÔNG TÁC LAO ĐỘNG

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO TRONG NĂM 2014 ĐƯỢC XÁC ĐỊNH LÀ MỤC TIÊU QUAN TRỌNG NHẪM NÂNG CAO TAY NGHỀ, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG, PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC ĐỂ CHUẨN BỊ NHÂN SỰ CHO CÁC DỰ ÁN MỚI CỦA CÔNG TY.

Số lượng lao động của Công ty không ngừng tăng lên qua các năm. Số lượng CB-CNV tính đến hết 31/12/2014: 189 CBCNV.

Chính sách đối với người lao động: Trong năm 2014, các chủ trương chính sách của Nhà nước liên quan đến người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, góp phần không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cụ thể như sau:

Về việc làm và đảm bảo việc làm: 100% người lao động trong Công ty được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với trình độ chuyên môn và ổn định lâu dài. Công tác tuyển dụng nhân sự tại Công ty được thực hiện căn cứ định biên lao động được HĐQT Công ty phê duyệt, quy trình tuyển dụng nhân sự của Công ty.

Thời gian làm việc, nghỉ ngơi

■ Hiện nay, Công ty đang áp dụng

chế độ làm việc đảm bảo thời gian làm việc không vượt quá 48 giờ/tuần, tuân thủ đúng quy định của Luật lao động và TULĐTT (thỏa ước lao động tập thể).

- Quản lý và tổ chức làm thêm, tăng ca đối với người lao động không vượt quá 200 giờ/người/năm theo đúng quy định của Nhà nước và Công ty.
- Người lao động được bố trí nghỉ đầy đủ vào các ngày Lễ, Tết và các ngày nghỉ hưởng nguyên lương. Đối với các trường hợp người lao động đi làm trùng vào các ngày nghỉ này được tính làm thêm giờ theo quy định của Luật lao động.

Về tiền lương

- Công ty thực hiện việc phân bổ quỹ lương, chi trả tiền lương, tiền thưởng hàng tháng, quý, năm cho NLD (người lao động) được gắn với kết quả công việc, kết quả

SXKD và tuân thủ theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

- Thực hiện điều chỉnh lương chức danh cho NLD trong Công ty kịp thời, gắn với kết quả thực hiện công việc và chính sách thu hút lao động có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm quản lý giỏi, động viên khuyến khích kịp thời NLD có thành tích xuất sắc.
- Xét điều chỉnh lương cơ bản hàng năm cho NLD theo đúng quy chế tiền lương, tiền thưởng và các quy định khác của Công ty và Nhà nước.
- Trích nộp BHXH, mua Bảo hiểm con người:
 - » Công ty trích nộp đầy đủ và kịp thời tiền BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong năm 2014;
 - » Giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động đầy đủ: nghỉ thai sản, ốm đau, tử tuất, trợ cấp thất nghiệp,

- » Công ty mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động với các mức trách nhiệm từ 50 – 150 triệu/người/vụ.
- Phúc lợi và các chế độ khác cho người lao động như sau:
 - » Thực hiện đầy đủ các quy định về hiếu, hỷ cho người lao động theo chính sách phúc lợi của Công ty.
 - » Thực hiện việc bồi dưỡng hiện vật cho người lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước và Công ty.
 - » Tặng quà các ngày kỷ niệm thành lập Công ty, ngày truyền thống Dầu khí Việt Nam, ngày Lễ, Tết Dương lịch, Tết Âm lịch.
 - » Trang bị đồng phục, trang phục, phù hiệu cho người lao động trong Công ty.
 - » Hàng năm, Công ty tổ chức đi tham quan du lịch cho người lao động theo Quy chế Tổ chức tham

quan du lịch.

- » Tổ chức các hoạt động cho con em người lao động như: Tặng quà nhân ngày 1/6, tặng quà và tổ chức vui chơi Trung thu, tặng quà cho con em CB-CNV đạt kết quả cao trong học tập.
- » Tạo điều kiện cho người lao động được tham gia các phong trào văn hóa, thể thao, dã ngoại, vui chơi giải trí nhằm nâng cao đời sống tinh thần cho CB-CNV.

Về Đào tạo

- Công tác đào tạo trong năm 2014 được xác định là mục tiêu quan trọng nhằm nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn của người lao động, phát triển nguồn nhân lực để chuẩn bị nhân sự cho các dự án mới của Công ty.
- 100% NLD được đào tạo, phổ biến TULĐTT, NQLĐ, Văn hóa doanh nghiệp, Quy định về BHLĐ và an toàn lao động trước khi ký Hợp đồng lao động (HĐLĐ) với Công ty.



Chất chiu dòng khí **sạch**





QUA 07 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, CÙNG VỚI SỰ NỖ LỰC VÀ QUYẾT TÂM CỦA BAN LÃNH ĐẠO VÀ TẬP THỂ CBCNV TRONG CÔNG TY HIỆN NAY CNG VIETNAM ĐÃ XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CNG VIETNAM TRỞ THÀNH THƯƠNG HIỆU CÓ UY TÍN VỀ MỌI MẶT Ở KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ NÓI RIÊNG VÀ CẢ NƯỚC NÓI CHUNG.

Thuận lợi

Nguồn khí đầu vào của Công ty luôn ổn định và đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho khách hàng. Bên cạnh đó, Công ty luôn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của PVGas South.

Tổ chức, nhân sự của Công ty luôn ổn định, tạo ra sự đồng thuận cao trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Thực hiện tốt các quy trình và giám sát chặt chẽ, các loại máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển đảm bảo hoạt động ổn định đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Qua 07 năm hình thành và phát triển, cùng với sự nỗ lực và quyết tâm của Ban Lãnh đạo và tập thể CBCNV trong công ty hiện nay CNG VIETNAM đã xây dựng thương hiệu CNG VIETNAM trở thành thương hiệu có uy tín về mọi mặt ở khu vực

Đông Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung.

Giá bán bình quân CNG 9 tháng đầu năm cao hơn giá kế hoạch và sản lượng vượt kế hoạch do đưa thêm 12 khách hàng mới vào nhận khí trong năm. Đồng thời, tỷ giá đồng USD vẫn giữ ở mức cao nên nguồn thu tại CNG VIETNAM được duy trì tốt.

Khó khăn

Tình trạng suy thoái kinh tế kéo dài, phục hồi chậm ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Nhu cầu tiêu thụ khí trên thị trường thấp do các khách hàng vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, một số khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu thay thế khác cạnh tranh hơn.

Giá dầu diễn biến phức tạp, khó dự đoán. Giá dầu thế giới liên tục giảm mạnh ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM.

Trong bối cảnh thuận lợi, khó khăn chung của ngành, hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM cũng gặp những khó khăn riêng. Tuy nhiên CNG VIETNAM đã chủ động nhìn nhận, lường trước những trở ngại và có giải pháp phù hợp, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắt trong quản

lý, điều hành, sáng tạo trong kinh doanh, tận dụng tốt các cơ hội để phát triển thị trường. Kết quả thực hiện trong 2014 là một minh chứng khẳng định năng lực, tâm huyết của Ban lãnh đạo và đội ngũ CB-CNV của Công ty. Các chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh cụ thể như sau:

75 triệu Sm³
SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
KHÍ CNG

STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2014		Năm 2013		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)	Thực hiện	Tỷ lệ 2014/2013 (%)
1	Sản lượng khí tiêu thụ	Triệu Sm ³	70	75	107%	62	120%
		mmBTU	2.800.000	3.000.000		2.524.040	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.016	1.101,09	108%	969,89	114%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.007	1.085,58	108%	949,78	114%
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	894,00	971,05	109%	831,65	117%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	122,00	130,04	107%	138,24	94%
6	Thuế TNDN	Tỷ đồng	12,00	17,55	146%	23,74	74%
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	110,00	112,49	102%	114,50	98%

Trong năm 2014, bên cạnh thắt chặt mối quan hệ với các khách hàng hiện tại, CNG VIETNAM còn chú trọng mở rộng, tiếp xúc với các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực sản xuất kinh doanh và nhiều ngành nghề, khu vực kinh doanh khác nhau ở các khu vực Long An, Bình Dương, Biên Hòa. Điều này đã làm đa dạng hóa đối tượng khách hàng của Công ty, tạo được tiến bộ tốt trong việc tiếp cận tất cả các khách hàng. Từ những nỗ lực ấy, số lượng khách hàng tăng từ 23 khách hàng lên 35 khách hàng, sản lượng tiêu thụ khí **CNG đạt 75 triệu Sm³, tăng 20,39% so với năm 2013.**

Năm 2014, các chỉ tiêu về sản lượng tiêu thụ, doanh thu tăng trưởng mạnh là một tín hiệu tích cực đối với CNG VIETNAM và giúp Công ty tiếp tục duy trì thị phần trong ngành trở thành nhà cung cấp CNG hàng đầu tại Việt Nam. Tuy nhiên, các khó khăn của ngành, những tác động của một

số điều kiện khách quan đã làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2014. Cụ thể, trước áp lực cạnh tranh các của các loại nhiên liệu thay thế giá rẻ, hầu như Công ty không tăng giá bán khí nhằm hỗ trợ khách hàng trong giai đoạn kinh tế khó khăn và mở rộng thị trường. Tuy nhiên do những diễn biến bất lợi của giá dầu trong Q.4/2014, giá dầu của thế giới và trong nước đã giảm mạnh dẫn đến giá bán CNG giảm nhưng điều này cũng không làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Như vậy kết thúc năm tài chính 2014, tổng doanh thu Công ty đạt 1.101,09 tỷ đồng, tăng 14% so với kết quả năm 2013, vượt 8% kế hoạch đề ra. Về lợi nhuận, Công ty đạt 112,49 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, hoàn thành 102% kế hoạch đề ra, tương ứng với EPS đạt 4.166 đồng trên mỗi cổ phần.

TỔNG DOANH THU NĂM 2014

1.101,09
tỷ đồng

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

112,49
tỷ đồng



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các dự án chuyển tiếp từ năm 2013, bao gồm

- Dự án góp vốn xây dựng nhà văn phòng (phối hợp với PVGas D và PVGas South: Hoàn thành.
- Dự án đầu tư 2 trạm trung tâm:
 - » Trạm cấp khí trung tâm Mỹ Phước 3 mở rộng: Hoàn thành phần đường ống cấp khí cho khách hàng Nhóm Washin, đang triển khai phần di dời trạm Kumho và trạm nạp CNG cho xe buýt;
 - » Trạm cấp khí cho khách hàng ABI từ URC 3: Hoàn thành.
- Dự án "Đầu tư phát triển thị trường": Đã hoàn thành mua 20 bồn chứa CNG, 01 máy nén và thực hiện đầu

tư một phần hệ thống cấp khí cho Viglacera (giai đoạn 1). Hạng mục mua sắm, lắp đặt 01 máy nén và hệ thống cấp khí cho Viglacera giai đoạn 2 sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2015.

Các dự án được phê duyệt trong năm 2014

- Đầu tư 02 PRU cho khách hàng mới: Do di chuyển một số PRU của các khách hàng cũ ngưng nhận khí sang lắp đặt cho khách hàng mới, vì vậy chưa thực hiện mua mới các PRU, sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2015;
- Chi phí lắp đặt 03 PRU: Do chưa thực hiện đầu tư mua sắm thêm mới các PRU nên chưa thực hiện việc lắp đặt. Dự án sẽ được tiếp tục thực hiện trong năm 2015.

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN

Tổng vốn giải ngân trong năm 2014: 96,74 tỷ đồng, trong đó:

- Dự án góp vốn xây dựng nhà văn phòng (phối hợp với PVGas D và PVGas South): 16,29 tỷ đồng;
- Dự án 2 trạm trung tâm: 8,55 tỷ đồng;
- Dự án "Đầu tư phát triển thị trường": 71,9 tỷ đồng.

SO VỚI NĂM 2013, CÁC CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ VÀ DOANH THU CỦA CNG VIETNAM TRONG NĂM 2014 ĐỀU TĂNG MẠNH. CỤ THỂ, NĂM 2014 SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TĂNG 20% VÀ DOANH THU TĂNG KHOẢNG 14% SO VỚI THỰC HIỆN CỦA NĂM 2013. LỢI NHUẬN SAU THUẾ ĐẠT 112 TỶ ĐỒNG VƯỢT SO VỚI KẾ HOẠCH ĐỀ RA.



PHÂN TÍCH CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH QUAN TRỌNG

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN	2013	2014
Khả năng thanh toán		
Tỷ số thanh toán hiện hành	3,0	2,8
Tỷ số thanh toán nhanh	2,9	2,7
Tỷ số thanh toán tiền mặt	1,5	1,6
Năng lực hoạt động		
Kỳ lưu kho bình quân (ngày)	10,95	9,62
Kỳ thu tiền bình quân (ngày)	61,62	54,82
Kỳ trả tiền bình quân (ngày)	89,24	91,08
Vòng quay tổng tài sản (lần)	1,52	1,71
Khả năng sinh lời		
Tỷ suất lợi nhuận gộp	21,6%	21,1%
Tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14,6%	12,5%
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	14,6%	12,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế	12,1%	10,4%
ROA	18,3%	17,7%
ROE	28,5%	26,3%
EPS	4.377	4.166
Tỷ số đòn bẩy tài chính		
Nợ phải trả/tổng tài sản	33%	33%
Nợ phải trả/vốn chủ sở hữu	49%	48%
Tổng tài sản/vốn chủ sở hữu	149%	148%
Cổ tức	35%	35%

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ TĂNG

20%

DOANH THU TĂNG

14%

Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán hiện hành, thanh toán nhanh và thanh toán tiền mặt trong năm 2014 của Công ty đều ở mức cao. Điều này cho thấy tình trạng tài chính của Công ty luôn đảm bảo ổn định, bền vững và đáp ứng kịp thời cho nhu cầu kinh doanh.

Năng lực hoạt động

Kỳ lưu kho bình quân. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm khí CNG cho các hộ tiêu thụ tại các khu công nghiệp từ đường ống dẫn khí và các xe vận chuyển chuyên dụng cho khách hàng đăng ký sử dụng trước, nên công tác dự trữ lượng khí tồn kho của Công ty luôn được tính toán và cập nhật kịp thời bằng hệ thống tính toán hiện đại, vì vậy giá trị hàng tồn kho của Công ty là khá thấp, năm 2014 là 21,93 tỷ đồng chiếm 3,4% tổng tài

sản. Ngoài ra, một phần nhỏ là vật tư, dụng cụ, phụ tùng thay thế phục vụ cho bảo dưỡng sửa chữa định kỳ và đột xuất của máy móc thiết bị nên kỳ lưu kho bình quân duy trì với số ngày lưu kho là không đáng kể.

Kỳ phải thu bình quân. Khoản phải thu chiếm 24,6% tổng tài sản, giữ mức ổn định so với năm 2013, giá trị phải thu là 157,49 tỷ đồng giảm 7% mặc dù doanh thu tăng trưởng 14%. So với năm 2013, kỳ thu tiền bình quân giảm khoảng 7 ngày thể hiện hiệu quả trong công tác thu hồi công nợ, tránh nợ xấu và duy trì ổn định hoạt động. So với giai đoạn trước đây kỳ phải thu ngày càng tốt hơn thông qua việc hoàn thiện các quy trình thực hiện, các quy chế quản lý liên quan và việc tuân thủ nghiêm quy định kế toán tại CNG VIETNAM.

Kỳ trả tiền bình quân. Công ty luôn cố gắng duy trì thanh khoản cao

cho dòng tiền HDKD nhưng đồng thời vẫn thanh toán đúng hạn cho nhà cung cấp. Điều này tạo ra uy tín cho Công ty đối với nhà cung cấp. Tuy nhiên, điểm tích cực là khả năng chiếm dụng vốn của Công ty ở khá tốt thể hiện qua chênh lệch giữa kỳ trả tiền và thu tiền trong năm nay khoảng 1 tháng, tạo ra lợi thế sử dụng vốn lưu động cho Công ty.

Vòng quay tổng tài sản. Vòng quay tổng tài sản tăng dần qua các năm, từ mức 1,5 lần lên 1,7 lần trong năm 2014 nhờ tốc độ tăng trưởng doanh thu luôn duy trì ở mức cao. Điều này chứng tỏ hiệu quả quản lý tài sản của Công ty ngày càng cải thiện.

Nhìn chung các khoản phải thu, phải trả, hàng tồn kho nói riêng và tài sản nói chung được Công ty quản lý hiệu quả trong năm vừa qua.



1.086

tỷ đồng

DOANH THU THUẦN
NĂM 2014

Khả năng sinh lời

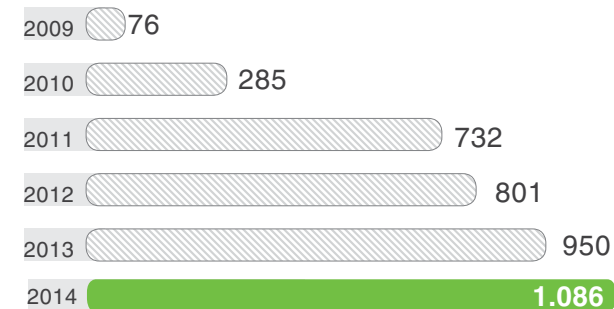
KẾT QUẢ KINH DOANH

	2013	2014
Doanh thu thuần	949.781	1.085.581
Giá vốn hàng bán	744.291	856.053
Lợi nhuận gộp	205.490	229.528
Doanh thu hoạt động tài chính	19.446	14.308
Chi phí tài chính	14.691	7.574
Trong đó: Chi phí lãi vay	14.508	7.483
Chi phí bán hàng	11.806	10.768
Chi phí quản lý doanh nghiệp	59.444	89.409
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	138.996	136.085
Thu nhập khác	667	1.200
Chi phí khác	1.419	7.245
Lợi nhuận trước thuế	138.243	130.040
Lợi nhuận sau thuế	114.503	112.489
Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	21,64%	21,14%
- Chi phí khấu hao/Doanh thu thuần	14,01%	7,37%
Chi phí tài chính/Doanh thu thuần	1,55%	0,70%
- Chi phí lãi vay/Doanh thu thuần	1,53%	0,69%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	1,24%	0,99%
Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu thuần	6,26%	8,24%
Chi phí khác/Doanh thu thuần	0,15%	0,67%

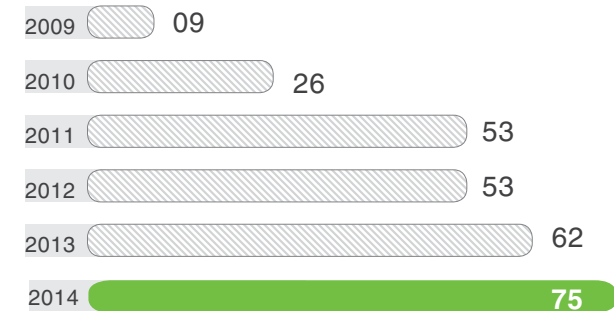
Doanh thu thuần và tốc độ tăng trưởng

Trong năm 2014, trước tình hình kinh tế phục hồi chậm, doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, nhu cầu tiêu thụ khí giảm, CNG VIETNAM đã chủ động tăng cường phát triển thêm nhiều khách hàng mới. Theo đó, doanh thu Công ty trong năm 2014 vẫn tăng trưởng tốt với mức tăng khoảng 14% so với 2013, chính thức vượt mốc 1.000 tỷ/năm.

DOANH THU THUẦN (tỷ đồng)

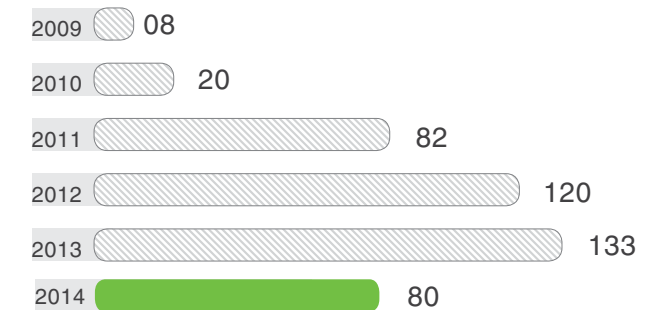


SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (Triệu m³)



Lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 229,52 tỷ đồng, tăng gần 12% so với 2013 chủ yếu do sản lượng khí tăng trưởng tốt và chi phí khấu hao liên quan đến một số máy móc, thiết bị đã hết. Điều này góp phần làm giảm đáng kể chi phí khấu hao trong năm nay, tính cho cả năm 2014 tổng chi phí này đã giảm 40% từ 133,03 tỷ đồng xuống còn 80,02 tỷ đồng trong năm vừa qua. Tuy nhiên tỷ suất lợi nhuận gộp nhìn chung giảm nhẹ 0,5% và đạt 21,1%. Nguyên nhân chủ yếu là do giá mua khí bình quân tăng 2% so với năm 2013 vì giá khí đầu vào vẫn tăng 5% trong Q.1/2014. Bên cạnh đó, trong Q.4/2014 giá dầu của thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Giá dầu đã giảm mạnh dẫn đến giá bán CNG giảm ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận gộp.

CHI PHÍ LHẤU HAO (tỷ đồng)



Lợi nhuận trước thuế và tỷ suất lợi nhuận trước thuế đạt 130,04 tỷ đồng tương ứng tỷ suất lợi nhuận trước thuế là 11,98%, giảm nhẹ 2,58% so với 2013, chủ yếu do chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác tăng do CNG đã hạch toán khoản tiền thuế bị truy thu liên quan đến khoản thuế phải nộp từ 2011 đến 2013. Tổng số tiền phải nộp là trên 27 tỷ đồng, trong đó 20,53 tỷ đồng đã được trừ vào vốn chủ sở hữu thông qua quỹ trích lập dự trữ và 7,15 tỷ đồng là tiền phạt và tiền chậm nộp thuế thì sẽ hạch toán vào chi phí khác làm giảm lợi nhuận trước thuế nhưng không làm ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Công ty theo kế hoạch đề ra năm 2014.



229,52

tỷ đồng

LỢI NHUẬN GỘP VÀ TỶ SUẤT LỢI NHUẬN GỘP

↑ 12% SO VỚI NĂM 2013



VỚI SỰ NỖ LỰC CỐ GẮNG TRONG CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH, ĐƯA RA KẾ HOẠCH KINH DOANH HỢP LÝ, THỎA THUẬN VỚI KHÁCH HÀNG VỀ MỨC GIÁ ĐỂ ĐẢM BẢO HIỆU QUẢ KINH DOANH PHÙ HỢP ĐÃ GÓP PHẦN QUAN TRỌNG TRONG VIỆC HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH NĂM 2014

ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2014, tình hình kinh tế trong nước tuy có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn ở mức khiêm tốn và còn nhiều khó khăn do vẫn còn chịu ảnh hưởng của giai đoạn khủng hoảng kéo dài trước đây, sức cầu của thị trường vẫn còn quá yếu sẽ hạn chế phần nào tốc độ tăng trưởng nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng. Riêng đối với thị trường nhiên liệu, đặc biệt là những tháng của Quý 4/2014, giá dầu thô thế giới và trong nước liên tục giảm mạnh, kéo theo giá khí sụt giảm mạnh. Tuy nhiên, với sự nỗ lực cố gắng trong công tác điều hành, đưa ra kế hoạch kinh doanh hợp lý, thỏa thuận với khách hàng về mức giá để đảm bảo hiệu quả kinh doanh phù hợp đã góp phần quan trọng trong việc hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2014. Đây là kết quả rất đáng ghi nhận, thể hiện quyết tâm cao của đội ngũ điều hành cùng tập thể CBCNV của CNG VIETNAM trong bối cảnh tình hình thị trường còn nhiều bất lợi.

Các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh Công ty đã hoàn thành như sau:

- Sản lượng: 75 triệu Sm³, đạt 107% so với kế hoạch.
- Tổng doanh thu: 1.101 tỷ đồng, đạt 108% so với kế hoạch.
- Tổng chi phí: 971 tỷ đồng, đạt 109% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 130 tỷ đồng, đạt 107% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 112 tỷ đồng, đạt 102% so với kế hoạch.

NHỮNG TIẾN BỘ ĐẠT ĐƯỢC



Đón nhận Huân chương lao động hạng 3 và Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ.



Đưa thêm 12 khách hàng mới tiêu thụ sản phẩm khí, các khách hàng mới sẽ góp phần làm tăng sản lượng khí tiêu thụ của Công ty.

TỔNG CHI PHÍ

971 tỷ đồng

ĐẠT **109%** SO VỚI KẾ HOẠCH

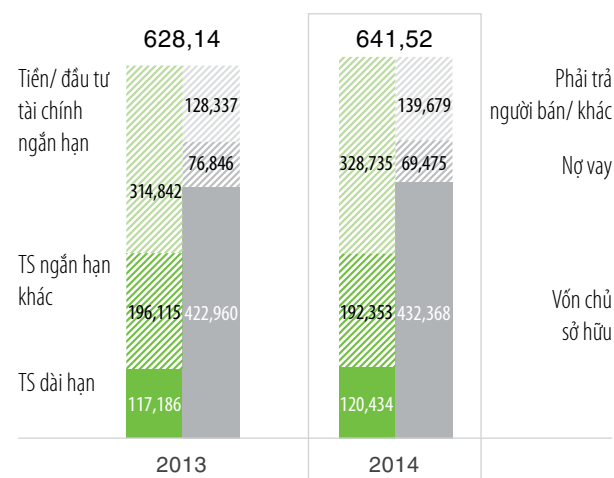
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

130 tỷ đồng

ĐẠT **107%** SO VỚI KẾ HOẠCH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TRONG NĂM 2014, BÊN CẠNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH, HOÀN THÀNH CÁC MỤC TIÊU KẾ HOẠCH ĐỀ RA, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CNG VIỆT NAM CŨNG LUÔN ĐƯỢC DUY TRÌ ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG. THEO ĐÓ, TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN NGÀY CÀNG GIA TĂNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU KINH DOANH THỰC TẾ MỞ RỘNG.



Phân tích tài sản và nguồn vốn

Cơ cấu tài sản

Tính đến cuối năm 2014, tổng tài sản của Công ty đã tăng thêm 13,38 tỷ đồng và đạt 641,52 tỷ đồng, tương đương tăng 2% so với năm trước. Do đặc điểm kinh doanh lĩnh vực khí nên tài sản ngắn hạn Công ty luôn được duy trì tỷ trọng lớn, tương đương 81% tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là tiền mặt và các khoản tiền gửi chiếm phần lớn trên tài sản ngắn hạn nhằm đảm bảo nhu cầu thanh toán nhanh cho các đối tác.

Cơ cấu nguồn vốn

Công ty có nguồn vốn dồi dào và tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh chính, không đầu tư dàn trải. Vốn chủ sở hữu chiếm trên 67% tổng nguồn vốn cho thấy tình hình tài chính rất lành mạnh. Công ty ít sử dụng nguồn vốn vay, nợ phải trả của Công ty chủ yếu là phải trả người bán, nợ vay ngắn hạn và dài hạn chỉ chiếm khoảng gần 10% tổng vốn.

Hiệu quả sử dụng tài sản và nguồn vốn

Trong năm 2014, chỉ số ROA và ROE vẫn duy trì được sự ổn định và tăng trưởng trong bối cảnh tình hình kinh tế trong nước và thế giới rất khó khăn. Điều này cho thấy tình hình kinh doanh trong năm 2014 của Công ty là khá tốt, việc sử dụng Vốn chủ sở hữu và Tài sản đạt hiệu quả cao.

641,52 tỷ đồng
TỔNG TÀI SẢN CỦA CÔNG TY

2% SO VỚI NĂM 2013

67%

VỐN CHỦ SỞ HỮU/TỔNG TÀI SẢN

CẤU TRÚC VỐN

	2013	2014
Tài sản ngắn hạn	81,3%	81,2%
Tiền và các khoản tương đương tiền	39,8%	45,0%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10,3%	6,2%
Các khoản phải thu ngắn hạn	26,8%	24,6%
Hàng tồn kho	3,7%	3,4%
Tài sản ngắn hạn khác	0,7%	2,0%
Tài sản dài hạn	18,7%	18,8%
Tài sản cố định	15,5%	17,5%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác	0,0%	0,0%
Tài sản dài hạn khác	3,1%	1,2%
Tổng tài sản	100,0%	100,0%
Tổng nguồn vốn	100,0%	100,0%
Nợ phải trả	32,7%	32,6%
Nợ ngắn hạn	26,7%	28,7%
Vay ngắn hạn	6,3%	7,0%
Phải trả người bán	14,5%	19,1%
Nợ dài hạn	5,9%	3,9%
Vay dài hạn	4,8%	2,8%
Vốn chủ sở hữu	67,3%	67,4%
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	43,0%	42,1%
Thặng dư vốn cổ phần	0,3%	0,3%
Vốn khác	1,6%	0,0%
Lãi chưa phân phối	18,5%	18,1%
Các Quỹ	3,9%	6,9%

Kế hoạch phát triển thị trường trong năm 2015

- Tiếp tục thực hiện dự án "Đầu tư phát triển thị trường"
- Thực hiện đầu tư 2 PRU và lắp đặt 03 PRU cho khách hàng mới.
- Thực hiện dự án cấp khí cho khách hàng Viglacera (giai đoạn 2).
- Thực hiện đầu tư dự án "Phát triển thị trường miền Bắc".
- Thực hiện đầu tư 01 trạm phân phối khí trung tâm.
- Tăng sản lượng tiêu thụ lên 95 triệu Sm³ khí/ năm.



Trong năm 2015, bên cạnh việc tiếp tục duy trì tốt mối quan hệ thân thiết với khách hàng, có chính sách hỗ trợ cho từng khách hàng, trong từng giai đoạn là ưu tiên của CNG VIỆT NAM. Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, cụ thể Công ty đã làm việc với các khách hàng tại khu vực Long An, Bình Dương, Biên Hòa... để tìm kiếm khách hàng mới để tăng sản lượng khí CNG tại thị trường Đông Nam Bộ. Bên cạnh đó, hiện nay Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam đang chuẩn bị đưa khí từ mỏ Hàm Rồng (thuộc huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình) vào bờ để cấp khí cho các hộ tiêu thụ khí thấp áp và sản xuất CNG cung cấp cho thị trường miền Bắc. Do vậy, CNG VietNam đang mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh tại miền Bắc và miền Trung.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



|||||
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)
 CÔNG TY ĐÃ LUÔN LUÔN
 THEO SÁT CÁC HOẠT ĐỘNG
 SẢN XUẤT KINH DOANH ĐỒNG
 THỜI CHỦ ĐỘNG NGHIÊN
 CỨU CÁC BIẾN ĐỘNG CỦA
 THỊ TRƯỜNG ĐỂ LUÔN ĐƯA
 RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHỈ
 ĐẠO SÂU SÁT VÀ ĐÚNG ĐẮN
 VỚI TÌNH HÌNH THỰC TẾ XÂY
 RA TẠI CÔNG TY. CÔNG TY
 ĐÃ HOÀN THÀNH HẦU HẾT
 CÁC NHIỆM VỤ VÀ CHỈ TIÊU
 KẾ HOẠCH NĂM 2014.**

Đánh giá về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014

Trong năm 2014, giá dầu giảm sâu không theo quy luật theo đó giá dầu thô đã giảm từ mức 105 USD/thùng vào tháng 7/2014 xuống còn 56 USD/thùng vào cuối năm. Đây là mức giảm trong năm mạnh nhất kể từ năm 2008. Giá dầu giảm đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của nhiều doanh nghiệp thuộc nhóm nhóm các Công ty dầu khí. Áp lực cạnh tranh từ các nhiên liệu thay thế cũng làm Công ty gặp không ít trở ngại. Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty đã luôn luôn theo sát các hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời chủ động nghiên cứu các biến động của thị trường để luôn đưa ra những định hướng chỉ đạo sâu sát và đúng đắn với tình hình thực tế xảy ra tại Công ty. Công ty đã hoàn thành hầu hết các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2014.

Đánh giá công tác sản xuất và an toàn trong sản xuất

Trong hoạt động kinh doanh của mình, CNG VIETNAM luôn đặt công tác an toàn trong sản xuất lên hàng đầu. Công ty luôn không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất. Công ty đã và đang áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2005 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá về công tác Đầu tư Xây dựng cơ bản

Trong năm 2014, trên cơ sở kế hoạch được HĐQT phê duyệt, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra giám sát đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản năm 2014 là 172,33 tỷ đồng, cụ thể như sau:

- Dự án “Đầu Tư Phát triển Thị trường”: 113,19 tỷ đồng (Gồm: 20 bồn chứa CNG, 40ft, vật liệu thép; 02 máy nén khí CNG, thi công lắp đặt 02 máy nén khí CNG và Hệ thống cấp khí cho khách hàng Viglacera);
- Dự án 2 trạm trung tâm : 41,71 tỷ đồng;
- Đầu tư 02 PRU cho khách hàng mới: 8,44 tỷ đồng
- Chi phí lắp đặt 03 PRU: 4,05 tỷ đồng
- Dự án Xây dựng văn phòng làm việc phối hợp với PV Gas D & PVGAS S: 4,94 tỷ đồng

Đánh giá công tác quản lý tài chính

Năm 2014, bộ phận tài chính kế toán đã tham mưu cho Ban Điều hành triển khai tốt các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, xây dựng nhiều giải pháp để thu tiền hàng, đối chiếu công nợ, đẩy nhanh tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối hợp lý nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để phát huy hơn nữa



vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho Hội đồng Quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, HĐQT yêu cầu công tác tài chính chú trọng những vấn đề sau:

- Luôn chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn như: Công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, khống chế công nợ thực hiện trích lập các quỹ theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Phối hợp với các Ban, nhà máy để hoạch định nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của Công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán.
- Thực hiện việc phân tích kinh tế định kỳ nhằm kịp thời tham mưu cho Ban Điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá về công tác tổ chức và nhân sự

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định hơn cho người lao động.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) đã tuân thủ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại Đồng Hội Cổ Đông (ĐHĐCĐ), các nghị quyết và quyết định của HĐQT trong công tác quản lý và điều hành. Ban TGD đã chỉ đạo các bộ phận liên quan để hoàn thành các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận đề ra.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dựa trên hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và nhận định về thị trường trong giai đoạn tiếp theo, Hội Đồng Quản trị đã đưa ra kế hoạch và định hướng phát triển của CNG VIETNAM như sau:

- Xây dựng và phát triển Công ty CP CNG VIETNAM bền vững, trở thành nhà cung cấp khí CNG hàng đầu ở Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ CNG, dẫn đầu về thị phần CNG trên thị trường.
- Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG VIETNAM trở thành một thương hiệu có uy tín trong nước và khu vực.
- Đa dạng hóa các mô hình kinh doanh khác, đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG.
- Đa dạng hóa nguồn vốn, huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau có hiệu quả.
- Mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ CNG trong miền Nam, miền Bắc và miền Trung đón đầu tiêu thụ LNG tại khu vực Nam Bộ.
- Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ VÀ DIỄN BIẾN GIÁ DẦU



Giá dầu đã giảm hơn một nửa so với đầu năm 2014. Kết thúc năm 2014 giá dầu thô đã giảm tổng cộng 55% kể từ thời điểm tháng 6/2014, từ đỉnh cao 117 USD/thùng đối với dầu Brent và 107 USD/thùng đối với dầu thô WTI. Biến động của giá dầu trên thế giới được quyết định một phần bởi sự kỳ vọng và một phần bởi quan hệ cung cầu. Cho đến hiện tại, áp lực giảm giá trên vẫn chưa có dấu hiệu suy giảm. Xét về quan hệ cung cầu trong năm qua có thể thấy cầu dầu mở sụt giảm do:

- Nền kinh tế các nước mới nổi phải nhập khẩu nhiều năng lượng như Trung Quốc, Ấn Độ đã phải điều chỉnh giảm tốc độ tăng trưởng. Bên cạnh đó, các nền kinh tế lớn như

Châu Âu và Nhật Bản chưa phục hồi nên nhu cầu về dầu cũng giảm theo.

- Một số nước có tiềm năng dầu mỏ nội địa ngoài việc tiếp tục khai thác nguồn lực dầu mỏ trong nước đã đa dạng hóa nguồn cung làm giảm cầu trên thị trường quốc tế.

- Một số nước nhập khẩu dự trữ dầu nhằm bảo đảm an ninh năng lượng, nay lượng dự trữ cũng tương đối bảo hòa, khiến cho giá dầu giảm.

- Việc chuyển dịch từ việc sử dụng dầu mỏ sang các nguồn năng lượng tái tạo và nhiên liệu khác cũng góp phần không nhỏ trong việc làm giảm nhu cầu dầu.

Đối với nguồn khí từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn, giá bán cho các nhà máy điện và nhà máy đạm thường thấp hơn so với giá bán cho các hộ công nghiệp. Giai đoạn vừa qua (2012-2014) giá khí bán ra cho hộ công nghiệp thông qua PVGasD, PVGas South, CNG VIETNAM (là đơn vị vận chuyển, phân phối) đã tăng theo lộ trình của PVGas. Trên cơ sở tăng giá bán để tiếp cận giá khí trên thế giới nhưng vẫn cạnh tranh hơn so với nhiên liệu mà khách hàng đang sử dụng. Tại Việt Nam, giá dầu thô giảm mạnh cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của một số đơn vị trong ngành dầu khí và CNG VIETNAM cũng không phải là ngoại lệ.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ NĂM 2015

Thực tế rất khó khăn để dự đoán giá dầu, việc đi tìm một chỉ số chuẩn cân bằng cho giá dầu là rất khó để xác định vì nó không ngừng chuyển động do chịu tác động mạnh từ chi phí sản xuất dầu. Có thể nhận thấy rằng cân cân trên thị trường dầu thô sẽ tiếp tục thay đổi trong năm 2015 và trong năm này cũng được đánh giá là sẽ có nhiều khó khăn cho ngành dầu khí.

Cơ hội và thách thức thị trường khí cho CNG VIETNAM

● Cơ hội

Đông Nam Bộ là khu vực phát triển kinh tế năng động với mức tăng trưởng cao, nơi tập trung nhiều trung tâm kinh tế, công nghiệp thương mại, dịch vụ, khoa học – kỹ thuật, đầu mối giao thông và giao lưu quốc tế, có lực lượng lao động dồi dào, tay nghề cao, có nhiều cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, công nghệ; có hệ thống đô thị phát triển, các khu công nghiệp phát triển mạnh trở thành trung tâm và đầu mối giao lưu của các tỉnh phía Nam với cả nước và quốc tế, được gắn kết bởi đường bộ, đường biển, đường hàng không, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội Vùng cũng như mở rộng các quan hệ kinh tế liên vùng và quốc tế. Hiện nay, tại thị trường này hàng năm thu hút rất nhiều nhà đầu tư nước ngoài, với lượng vốn FDI liên tục tăng, đặc biệt là doanh nghiệp ở các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... đầu tư ở nhiều ngành nghề khác nhau. Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tại khu vực này cũng khá nhạy bén, xây dựng cơ sở hạ tầng rất tốt để đón đầu các dự án đầu tư. Hơn nữa, các công ty hiện hữu cũng không ngừng mở rộng sản xuất, xây dựng thêm nhà máy, phát triển kinh

doanh. *Trong thời gian tới, đây sẽ vẫn là vùng kinh tế trọng điểm của cả nước, và vẫn là một thị trường lớn đầy tiềm năng cho việc cung cấp CNG cũng như LNG sau này.*

Ở khu vực Bắc Bộ, các khu công nghiệp tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng, trong đó công nghiệp nặng và các nhà máy lớn, các dự án đầu tư của doanh nghiệp nước ngoài được phân bố ở thủ đô Hà Nội và vùng phụ cận bao gồm: Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hưng Yên, Hải Phòng... Trong tương lai, khu vực này tiếp tục phát triển là một trong những đầu tàu phát triển kinh tế của đất nước. *Do vậy, phát triển kinh doanh CNG ra thị trường miền Bắc là một cơ hội tốt cho CNG VIETNAM nhằm mở rộng thị trường, phát triển kinh doanh của mình trong thời gian tới.*

PHÁT TRIỂN KINH DOANH CNG RA THỊ TRƯỜNG MIỀN BẮC LÀ MỘT CƠ HỘI TỐT CHO CNG VIETNAM NHẪM MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN KINH DOANH CỦA MÌNH TRONG THỜI GIAN TỚI.





TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ NĂM 2015 (TIẾP THEO)

Trong tình hình ngày một phát triển hiện nay của thế giới cùng với việc kêu gọi toàn cầu bảo vệ môi trường sống và bầu khí quyển, ngày nay việc lựa chọn nguồn nhiên liệu trong mọi hoạt động của thế giới được xem là một vấn đề đáng quan tâm. Từ thực tế trên, rất nhiều nguồn năng lượng mới được phát hiện và đưa vào sử dụng trong đó có khí thiên nhiên. Đây được xem là một nguồn nhiên liệu sạch với ít chất thải và sản sinh rất nhiều năng lượng trong quá trình sử dụng. Ngày nay nhu cầu sử dụng khí thiên nhiên trên toàn cầu là rất lớn, tập trung ở các nước phát triển như Mỹ, Nga, Brazil và các nước Châu Âu. **Tại Việt Nam, đây là nhiên liệu sạch luôn thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Và CNG VIETNAM có nhiều lợi thế khi**

là Công ty đầu tiên khởi nguồn tiên phong trong việc phổ biến sản phẩm CNG tại Việt Nam với thị phần hơn 50% toàn thị trường.

Thách thức

CNG VIETNAM đang phải cạnh tranh với rất nhiều nhiên liệu truyền thống, đặc biệt là các nhiên liệu có giá rẻ hơn khá nhiều như biomass (rẻ hơn 20% so với CNG), than.... Trong khi đó, giá khí đầu vào tăng theo lộ trình và bằng giá thế giới khi PVGas nhập khẩu khí cũng là những khó khăn mà CNG VIETNAM gặp phải.

Thêm vào đó, trước sự biến động liên tục của giá dầu thế giới theo chiều hướng giảm sâu, dẫn đến giá bán khí, LPG và các nhiên liệu khác

sụt giảm mạnh... Điều này sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh đến các đơn vị vận chuyển, phân phối khí tại Việt Nam nói chung và CNG VIETNAM nói riêng.

Trước những khó khăn và thách thức của ngành và những khó khăn riêng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM. Để giữ vững đà tăng trưởng như các năm vừa qua, thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh cho năm 2015, Công ty đưa ra các giải pháp khi điều kiện thị trường, giá cả có biến động, cụ thể như sau:

Về thị trường và kinh doanh

Trước những biến động của thị trường, CNG VIETNAM luôn áp dụng nhiều phương thức tiếp cận, đẩy mạnh quảng cáo tiếp thị trên cơ sở lợi thế về tính ưu việt và giá cả



Để duy trì thị phần cũng như tốc độ tăng trưởng của khí CNG. Công ty sẽ linh hoạt trong việc chiết khấu giá và có chính sách khuyến khích khách hàng theo từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.

của sản phẩm cũng như chủ động tìm hiểu công nghệ, phát triển thị trường. Cụ thể:

Để duy trì thị phần cũng như tốc độ tăng trưởng của khí CNG. Công ty sẽ linh hoạt trong việc chiết khấu giá và có chính sách khuyến khích khách hàng theo từng giai đoạn nhằm tăng sản lượng tiêu thụ, tránh tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác trên nguyên tắc đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng. Công ty tiếp tục phát triển dịch vụ và công tác hỗ trợ nhằm tạo ra điều kiện tốt nhất cho các khách hàng đã nhận khí.

Thị trường khí sẽ phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm tính phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định với

các chiến lược đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, tìm kiếm khách hàng mới của Công ty. Đối với các hình thức bán hàng, Công ty sẽ vận dụng linh hoạt các hình thức bán hàng như: bán tại hộ tiêu thụ, bán tại nhà máy, qua các trạm trung tâm nhằm phát triển nhanh khách hàng, giảm chi phí đầu tư và nguồn nhân lực trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả và bền vững.

CNG VIETNAM đang phát triển ra thị trường CNG miền Bắc là một hướng đi như vậy nhằm gia tăng sản lượng là một hình thức để nâng cao lợi nhuận.

Luôn luôn tìm tòi các công nghệ sản xuất kinh doanh CNG mới trong khu vực và trên thế giới. Từ đó, áp dụng linh hoạt và hiệu quả để gia tăng lợi ích tối đa cho khách hàng và phát triển thị trường.

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ NĂM 2015 (TIẾP THEO)



Trước sự biến động bất thường của thị trường nhiên liệu trên thế giới hiện nay và giá đầu vào tăng cao, CNG VIETNAM cũng có các phương án xử lý như sau:

- ☑ Bám sát diễn biến giá dầu để có các giải pháp kịp thời ứng phó với những biến động xấu nhất, trong đó cần tập trung các giải pháp cân đối dòng tiền, các giải pháp thị trường phù hợp, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ☑ Xu hướng giá dầu giảm là một trong những thách thức lớn nhất đối với CNG VIETNAM trong việc xây dựng giá bán phù hợp đối với khách hàng nhưng vẫn đảm bảo được mức lợi nhuận hợp lý cho Công ty. Đối với điều này, CNG VIETNAM có kế hoạch trình lên PVGas cho việc xây dựng lộ trình giá mua và giá bán thích ứng kịp thời với sự thay đổi trong kịch bản giá dầu thấp đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh CNG.

Về quản lý và điều hành

☑ **Về sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG:** Việc chuẩn bị vật tư, thiết bị, dụng cụ đầy đủ cho công tác sản xuất và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện nhằm đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Chú trọng công tác bảo trì, bảo dưỡng đối với thiết bị, máy móc, phương tiện vận chuyển luôn tuân theo với quy định của nhà sản xuất và kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa nhằm giảm thiểu thời gian dừng vận hành do sự cố. Công ty sẽ tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho các Cán bộ kỹ thuật Công ty để làm chủ được công tác bảo dưỡng, sửa chữa, xử lý sự cố tất cả các máy móc thiết bị sản xuất. Công ty sẽ tiếp tục triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Trong chiến lược quản trị rủi ro, quyết liệt xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn thông qua việc cải tiến, duy trì và áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn- Chất lượng - Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

☑ **Về đầu tư:** Nắm bắt triệt để các cơ hội đầu tư, tránh thất thoát nguồn vốn, tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai, hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ để ra. Các thủ tục, hồ sơ sẽ luôn được tiến hành đúng theo quy trình, quy định của Pháp luật và Công ty nhằm loại bỏ các rủi ro về mặt pháp lý.

☑ **Về tài chính:** Công ty sẽ ưu tiên, chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty luôn giám sát chi phí, quản lý công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng. Các nguồn vốn, quỹ được sử dụng linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính cho Công ty.

☑ **Về tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực:** Đối với nhân sự đang công tác tại CNG VIETNAM, Công ty sẽ tiến hành rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tiếp tục duy trì môi trường làm việc gắn với "hiệu quả" nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty. Các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, nhằm đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Đối với việc tuyển dụng, Công ty tập trung vào nguồn nhân lực có phẩm chất, trình độ, tay nghề, kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty.

ĐỐI VỚI NHÂN SỰ ĐANG CÔNG TÁC TẠI CNG VIETNAM, CÔNG TY SẼ TIẾN HÀNH RÀ SOÁT CƠ CẤU TỔ CHỨC, BỘ MÁY, CÁCH THỨC TỔ CHỨC SẢN XUẤT NHẪM ĐẢM BẢO PHÙ HỢP VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY TRONG TỪNG GIAI ĐOẠN. TIẾP TỤC DUY TRÌ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC GẮN VỚI "HIỆU QUẢ" NHẪM THU HÚT NGUỒN LỰC CÓ TRÌNH ĐỘ, KINH NGHIỆM LÀM VIỆC LÂU DÀI CHO CÔNG TY



CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- █ Xây dựng CNG VIETNAM trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.
- █ Phát triển CNG VIETNAM theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.
- █ Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Xây dựng thương hiệu CNG VIETNAM và văn hóa doanh nghiệp

- █ Xây dựng chiến lược Marketing ngắn hạn và dài hạn phù hợp với lộ trình phát triển nhằm quảng bá sâu rộng thương hiệu CNG VIETNAM. Từng bước hoàn thiện và nâng cao chất lượng quảng cáo, xúc tiến bán hàng;

- █ Tiếp thị và mở rộng thị trường kinh doanh trên toàn quốc. Xây dựng quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác để hỗ trợ, hợp tác cùng phát triển.

Nâng cao năng lực cung ứng

- █ Tận dụng tối đa cơ sở hạ tầng, trang thiết bị và nguồn khí tại nhà máy CNG Phú Mỹ để phát triển thị trường CNG.
- █ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ LNG qui mô nhỏ (30 triệu m³/năm) và đưa vào hoạt động từ năm 2015.

Đầu tư mở rộng nhà máy CNG Phú Mỹ:

Tiếp tục nâng công suất nhà máy lên 95 Triệu Sm³/năm vào năm 2015.

Nâng cao hiệu quả chuỗi cung ứng

- █ Nhanh chóng kiện toàn tổ chức, hoạch định chiến lược nhân sự để tổ chức tuyển dụng, đào tạo theo lộ trình hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, mở rộng của Công ty trong từng thời kỳ. Đặc biệt chú ý về lĩnh vực Marketing và nghiên cứu phát triển.



- █ Nhanh chóng triển khai tự động hóa, điện tử hóa, ứng dụng khoa học công nghệ, giám sát chặt các khâu, các lĩnh vực quản lý cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giảm chi phí nguyên, nhiên vật liệu và nhân công, tăng cường năng suất, chất lượng, an toàn và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- █ Liên doanh, liên kết với các đối tác có uy tín để nghiên cứu, lựa chọn, áp dụng các công nghệ, kỹ thuật tiên tiến và ưu việt trong các lĩnh vực hoạt động.

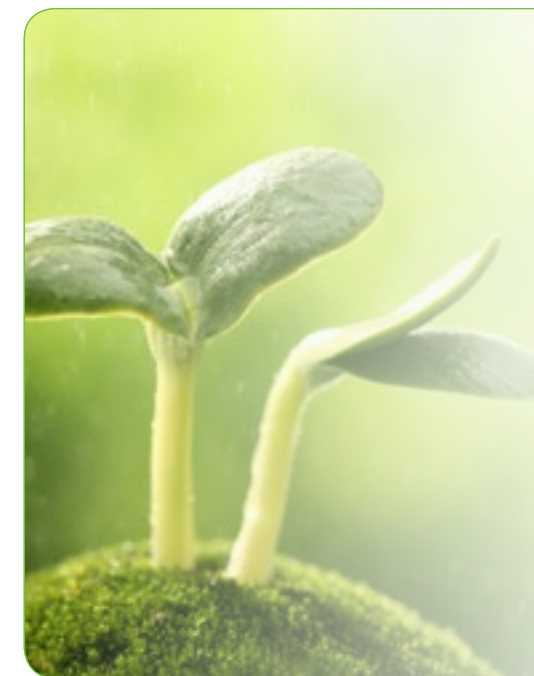
Xây dựng kế hoạch hình thành và phát triển đơn vị dịch vụ với

- █ Trang thiết bị bao gồm nhà xưởng và thiết bị sử dụng công nghệ hiện đại.
- █ Đội ngũ cán bộ, kỹ sư và công nhân lành nghề, chuyên nghiệp.
- █ Phát triển hệ thống vận chuyển chuyên nghiệp, cung cấp dịch vụ vận chuyển.
- █ Thực hiện tốt các hoạt động quảng bá, tiếp thị về CNG/LNG.
- █ Quan hệ khách hàng tốt, tạo được niềm tin của khách hàng.
- █ Hỗ trợ khách hàng về kỹ thuật, quản lý sử dụng CNG/LNG trong sản xuất.
- █ Áp dụng mức giá bán linh hoạt đối với từng thị trường, từng khách hàng, từng thời điểm.
- █ Nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

CNG VIETNAM là Công ty đầu tiên hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh khí nén thiên nhiên, luôn nhận thức được tầm quan trọng và chú trọng đến việc bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng:

- █ Tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường;
- █ Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường;
- █ Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.





KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH

Nhằm định hướng cho việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, Ban Lãnh đạo CNG VIETNAM đã nhận định những yếu tố đầu vào quan trọng ảnh hưởng đến việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, như sau:

Yếu tố đầu tiên là: Tình hình kinh tế trong nước giai đoạn hiện nay tuy có dấu hiệu phục hồi nhưng cơ bản vẫn ở mức khiêm tốn và còn nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng không tích cực của giai đoạn khủng hoảng kéo dài trước đây, sức cầu của thị trường vẫn còn quá yếu sẽ hạn chế phần nào tốc độ tăng trưởng nền kinh tế nói chung và của ngành công nghiệp nói riêng. Theo đó, ảnh hưởng đến kế hoạch nhận khí cũng như giá bán CNG cho các khách hàng.

Yếu tố thứ hai là: Tác động của giá dầu theo xu hướng tiếp tục giảm mạnh trong dài hạn. Trong khi đó, giá khí mà Công ty mua và bán cho khách hàng liên tục điều chỉnh tăng trong các năm qua.

Yếu tố thứ ba là: Phần lớn máy móc, thiết bị của Công ty đã hết thời gian bảo hành, một số bồn CNG đến thời hạn cần kiểm định lại.

Bên cạnh đó, các yếu tố thuận lợi cũng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và tính khả thi trong kế hoạch năm 2015 của Công ty. Về mặt thuận lợi, nguồn khí đầu vào tiếp tục được đảm bảo liên tục, ổn định. Nguồn nhân lực nói chung và đội ngũ kỹ sư, công nhân vận hành nói riêng có tay nghề, trình độ chuyên môn cao và kinh nghiệm dày dặn qua nhiều năm gắn bó cùng Công ty.

CNG VIETNAM tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của PVGas, PVGas South và được sự chỉ đạo sát sao của HĐQT.

Với đặc điểm tình hình trong và ngoài nước cũng như của riêng CNG VIETNAM, để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch năm 2015, **HĐQT đã xác định những nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2015 của Công ty như sau:**

- Với các kịch bản giá dầu khác nhau, CNG VIETNAM cũng xây dựng các kế hoạch doanh thu và các chỉ tiêu tài chính để đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả hoạt động, đảm bảo các nhiệm vụ kinh tế cho năm tài chính 2015.
- Vận hành an toàn, cấp khí thường xuyên, liên tục và ổn định cho các khách hàng với sản lượng khí tiêu thụ theo kế hoạch năm 2015 là 75 triệu Sm³.
- Tăng cường hiệu quả trong sản xuất kinh doanh (giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận).
- Mở rộng và phát triển thị trường tại các khu công nghiệp mới tại phía Nam và Bắc Bộ.
- Hoàn thành đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các dự án đầu tư và tiết kiệm chi phí.
- Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường vào các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán nhằm công khai minh bạch thông tin đến các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Các chỉ tiêu chính

STT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2015
1	Sản lượng	SM ³	88.000.000
2	Doanh thu	Tỷ đồng	938
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	136
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	110
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ	%	40,64
6	Hệ số nợ vốn vay cho đầu tư/Vốn điều lệ	%	51,97
7	Cổ tức	%	30

KÊ HOẠCH LAO ĐỘNG

Trong năm 2015 Công ty dự kiến sẽ tăng thêm 02 khách hàng mới. Do đó, kế hoạch lao động sẽ được tuyển dụng theo tình hình thực tế.

Các chỉ tiêu chính

- Tổng số lao động định biên kế hoạch: 198 người.
- Lao động bình quân: 192 người.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Tổng mức đầu tư cho xây dựng cơ bản năm 2015 được duyệt là 233,86 tỷ đồng.

Dự án chuyển tiếp

- Dự án 01 trạm phân phối khí trung tâm: 18,25 tỷ đồng
- Đầu tư 2 PRU và lắp đặt 03 PRU cho khách hàng mới: 12,49 tỷ đồng
- Tiếp tục thực hiện dự án “Đầu tư phát triển thị trường”: 28,41 tỷ đồng

Dự án mới

- Dự án cấp khí cho Viglacera (giai đoạn 2): 174,71 tỷ đồng.



Mở ra kỷ nguyên mới



Các thành viên HĐQT tại Công ty gồm 01 Chủ tịch HĐQT, 04 thành viên trong đó 2 thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc, 1 thành viên không điều hành và 1 thành viên HĐQT độc lập. Số lượng nắm giữ cổ phần đến ngày 31/12/2014 tại CNG VIETNAM như sau:

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	CP nắm giữ cá nhân	Tổng số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	5.662.663	69.030	5.731.693	21,23	Điều hành
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	3.648.000	68.246	3.716.246	13,76	Điều hành
3	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT	5.593.600	0	5.593.600	20,72	Không điều hành
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT	0	0	0	0	Điều hành
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT		625	625	0,002	Độc lập

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ: Không có.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty, HĐQT đã tổ chức 1 phiên họp ĐHCĐ thường niên, 4 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2014, cụ thể như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	2/1/2014	Nghị quyết họp HĐQT lần 4/2013
2	02/NQ-HĐQT	8/3/2014	Nghị quyết họp HĐQT lần 1/2014
3	04/NQ-HĐQT	15/4/2014	Nghị quyết HĐQT về chi trả 20% cổ tức còn lại năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ là 20% trên số vốn điều lệ hiện hành.
4	05/NQ - HĐQT	26/4/2014	Quyết định HĐQT về thành lập và bổ nhiệm giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc
5	100/QĐ - CNG	28/4/2014	Quyết định đổi con dấu Công ty
6	06/NQ - HĐQT	27/6/2014	Nghị quyết họp HĐQT lần 2/2014
7	176/QĐ-CNG	8/7/2014	Quyết định phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh tại Miền Bắc
8	192/QĐ-CNG	16/7/2014	Quyết định phê duyệt định mức tiêu hao nhiên liệu cho máy nén Safe chạy bằng khí tại nhà máy CNG Phú Mỹ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
9	07/NQ-HĐQT	17/7/2014	Nghị quyết HĐQT về phương án tài chính xử lý việc truy thu thuế từ năm 2011 đến năm 2013
10	204/QĐ-CNG	23/7/2014	Quyết định phê duyệt Quy chế tài chính của Chi nhánh tại Miền Bắc
11	209/QĐ - CNG	30/7/2014	Quyết định phê duyệt bổ sung các chế độ đối với người lao động tại CNG Việt Nam
12	210/QĐ - CNG	30/7/2014	Quyết định điều chỉnh quy mô và tổng vốn đầu tư dự án CNG VN trên Giấy chứng nhận đầu tư
13	251/QĐ-CNG	9/9/2014	Quyết định về việc giao nhiệm vụ cho CBCNV
14	256/QĐ - CNG	15/9/2014	Quyết định miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty
15	257/QĐ - CNG	15/9/2014	Quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty
16	308/QĐ - CNG	24/11/2014	Quyết định miễn nhiệm thành viên HĐQT Công ty
17	09/NQ-HĐQT	26/9/2014	Nghị quyết họp HĐQT Quý 3/2014
18	309/QĐ-CNG	24/11/2014	Quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT
19	317/QĐ-CNG	4/12/2014	Quyết định phê duyệt kế hoạch lao động, tiền lương năm 2014 của Công ty
20	333/QĐ - CNG	16/12/2014	Quyết định miễn nhiệm chức kế toán trưởng Công ty
21	334/QĐ-CNG	16/12/2014	Quyết định bổ nhiệm giữ chức kế toán trưởng Công ty

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Các thành viên HĐQT không trực tiếp điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp và giải quyết các vấn đề liên quan đến HĐQT. Các thành viên độc lập, không điều hành đảm bảo CNG VIETNAM cân bằng hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông Công ty, lợi ích của nhà nước,

của người lao động trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thành viên này có vai trò quan trọng trong việc tăng cường hiệu quả hoạt động, tính minh bạch của bộ máy quản trị Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT chưa lập ra các tiểu ban do chưa phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các thành viên trong Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị Công ty nhằm phát huy năng lực hoạt động, đóng góp đối với quá trình hoạt động của Công ty. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo của Công ty, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng. Chương trình đào tạo đã phát huy hiệu quả tích cực thông qua sự mở rộng không ngừng của Công ty trong năm 2013 nói riêng và những năm qua nói chung.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
2	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT
4	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD
3	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Đại diện sở hữu cổ phần	CP nắm giữ cá nhân	Tổng số CP có quyền biểu quyết	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Lâm Kiệt	Trưởng BKS		16	16		Kiểm nhiệm
2	Bà Trần Thị Thu Hiền	Trưởng BKS	0	354	354		Kiểm nhiệm
3	Bà Phạm Thị Loan Phương	Thành viên BKS	0	86	86		Kiểm nhiệm

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các nội quy, quy định, văn bản của Công ty CP CNG Việt nam.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý, điều hành nhằm phát hiện rủi ro tiềm tàng hoặc thiếu sót, từ đó góp ý cho công tác quản trị trong việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh; kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn trong các khoản mục đầu tư.
- Kiểm tra các chứng từ kế toán về tính hợp pháp, hợp lý và hợp lệ, kiểm soát sự tuân thủ các chế độ chính sách hiện hành. Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm trước và sau kiểm toán.

Kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Năm 2014, Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHCĐ giao trên tất cả các chỉ tiêu: Sản lượng tiêu thụ năm 2014 thực hiện là 75 triệu m³, đạt 107% so với kế hoạch. Doanh thu thực hiện 1.101 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thực hiện 112 tỷ đồng đạt 102% so với kế hoạch.

Công ty tổ chức vận hành liên tục, an toàn hệ thống cấp khí cho khách hàng cũng như bảo vệ an toàn các trạm khí và hành lang an toàn tuyến ống; thực hiện hoàn thành kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ và kế hoạch bảo hộ lao động năm 2014.

Công ty tiếp tục thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí; thực hiện cải tiến chính sách tiền lương và phân phối lương, thưởng theo hướng gắn với hiệu quả công việc.

Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Về thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban TGD

HĐQT, Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban TGD căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn Công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi. Thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

NĂM 2014, CÔNG TY ĐÃ HOÀN THÀNH VƯỢT MỨC KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH DO ĐHCĐ GIAO TRÊN TẤT CẢ CÁC CHỈ TIÊU: SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ NĂM 2014 THỰC HIỆN LÀ 75 TRIỆU M³, ĐẠT 107% SO VỚI KẾ HOẠCH. DOANH THU THỰC HIỆN 1.101 TỶ ĐỒNG, ĐẠT 109% KẾ HOẠCH. LỢI NHUẬN SAU THUẾ THỰC HIỆN 112 TỶ ĐỒNG ĐẠT 102% SO VỚI KẾ HOẠCH.

Về việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong quản lý, điều hành

Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ Công ty. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ

phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ

Được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với quy định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các quy định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

hoạt động Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ CNG cũng như thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để ra hàng năm. Đồng thời Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, qui chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của CNG.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát (BKS) hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo quy định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2015

Để thực hiện tốt công tác soát xét theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch làm việc năm 2015 như sau:

- Thực hiện giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Quản lý điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế, quy trình quản lý nội bộ của Công ty.

- Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả xây lắp tại các công trình.
- Xem xét thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm của Công ty.
- Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên Ban Kiểm soát tại các đơn vị với bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát
- Cử các thành viên trong Ban Kiểm soát tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.



Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban Điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG VIETNAM. Tiền thưởng Ban Điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế áp dụng theo quyết định của ĐHCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch HĐQT	798.600.000	Chuyên trách
2	Ông Đặng Văn Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	796.712.390	Kiểm nhiệm
3	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	32.300.000	Thôi giữ chức TV HĐQT từ ngày 24/11/2014
4	Ông Trần Văn Nghị	Thành viên HĐQT	3.700.000	Giữ chức TV HĐQT từ ngày 24/11/2014
5	Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT	25.500.000	Thôi giữ chức TV HĐQT từ ngày 15/9/2014
6	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên HĐQT	615.428.536	Giữ chức TV HĐQT từ ngày 15/9/2014
7	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập	613.085.075	

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Kiểm soát

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Huỳnh Lâm Kiệt	Trưởng Ban KS	22.500.000	Giữ chức Trưởng BKS từ ngày 4/4/2014
2	Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	25.500.000	
3	Bà Phạm Thị Loan Phượng	Thành viên BKS	40.866.667	Kiểm nhiệm

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng số tiền	Ghi chú
1	Ông Đặng Văn Vinh	Tổng Giám đốc	Như trên	
2	Ông Trần Quang Đán	Phó TGD	690.050.555	
3	Ông Bùi Văn Đán	Phó TGD	665.194.681	
4	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	Như trên	
5	Ông Ngô An Hòa	Kế toán trưởng	603.968.429	Thôi giữ chức KTT từ ngày 16/12/2014
6	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Kế toán trưởng	27.389.818	Bổ nhiệm KTT từ ngày 16/12/2014

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và những người có liên quan

Tên cổ đông	Chức vụ/liên quan	Giao dịch (Mua/bán)	Số lượng CP đã giao dịch	Thời gian thực hiện
Hội đồng Quản trị				
Ông Đặng Văn Vinh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Bán	1.240	24/2/2014 – 24/3/2014
Ông Christopher Đỗ Nghĩa	Thành viên HĐQT	Bán	57.430	17/7/2014 – 15/8/2014
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT	Bán	5.000	17/1/2014-14/2/2014
Ban Kiểm soát:				
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	Bán	3.000	21/2/2014 – 20/3/2014
Ban Tổng Giám đốc và KTT				
Ông Bùi Văn Đản	Phó TGD	Bán	14.190	25/2/2014 – 20/3/2014
Ông Trần Quang Đán	Phó TGD	Bán	9.950	21/2/2014 – 21/3/2014
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó TGD	Bán	11.610	3/6/2014 – 2/7/2014
Ông Ngô An Hòa	KTT	Bán	11.610	17/2/2014 – 17/3/2014
Tổ chức liên quan đến cổ đông nội bộ				
IEV Energy Sdn.Bhd	Ông christopher Đỗ Nghĩa	Bán	1.805.966	6/5/2014 – 5/6/2014
IEV Group Sdn.Bhd	Ông christopher Đỗ Nghĩa	Bán	3.372.793	6/5/2014 – 5/6/2014
Cá nhân có liên quan đến cổ đông nội bộ				
Ông Nguyễn Trọng Long	Chồng bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Bán	1.510	25/2/2014 – 19/3/2014

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty thực hiện đầy đủ và đúng quy định của pháp luật về quản trị Công ty.



CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	27.000.000 CP
Loại cổ phần	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	Không
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	27.000.000 CP

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Phân loại theo cổ đông trong nước và nước ngoài

Chỉ tiêu	Trong nước (cổ phần)	Nước ngoài (cổ phần)	Tổng (cổ phần)
Cá nhân	6.639.227	146.836	6.786.063
Tổ chức	15.948.367	4.265.570	20.213.937
Tổng	19.603.808	7.396.192	27.000.000

Phân loại theo cổ đông lớn (từ 5% trở lên)

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng Miền Nam	14.904.263	55,2
Tổng	14.904.263	55,2

Phân loại theo cổ đông nhỏ (dưới 5%)

Tên cổ đông	Vốn cổ phần(cổ phần)	Tỷ lệ(%)
FRONTAURA GLOBAL FRONTIER FUND LLC	1.270.720	4,71
UTILICO EMERGING MARKETS LIMITED	1.000.000	3,70
Khác	9.825.017	36,39
Tổng	12.095.737	44,80

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Tổng vốn điều lệ đến 31/12/2014: 270.000.000.000 đồng

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Công ty hiện đang nắm giữ 327 Cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.

270 tỷ đồng
TỔNG VỐN ĐIỀU LỆ



QUẢN TRỊ RỦI RO KHÔNG CHỈ GIẢI QUYẾT KỊP THỜI, HIỆU QUẢ CÁC TÌNH HUỐNG XẢY RA MÀ QUAN TRỌNG HƠN LÀ VIỆC SỚM DỰ BÁO CÁC RỦI RO VÀ ĐƯA RA CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC THÔNG QUA CHÍNH SÁCH QUẢN TRỊ TOÀN DIỆN.

Đối với Công ty, quản trị rủi ro là một bộ phận luôn song hành trong chiến lược hoạt động của doanh nghiệp. Với đặc trưng là hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh khí, việc đối mặt với các rủi ro phát sinh từ nội tại doanh nghiệp và xâm nhập từ bên ngoài là điều không thể tránh khỏi. Quản trị rủi ro không chỉ giải quyết kịp thời, hiệu quả các tình huống xảy ra mà quan trọng hơn là việc sớm dự báo các rủi ro và đưa ra các biện pháp khắc phục thông qua chính sách quản trị toàn diện. Chúng tôi xây dựng dựa trên việc nghiên cứu, hiểu rõ bản chất các loại rủi ro và đưa ra các giải pháp tối ưu nhất với nguồn lực hiện có của Công ty thông qua việc cân đối chi phí của rủi ro và chi phí quản lý rủi ro nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho doanh nghiệp. Các loại rủi ro được phân theo các nhóm chính sau đây

RỦI RO VỀ GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO

Bản chất rủi ro

Giá bán khí của Công ty được quyết định bởi PVGas và vận chuyển thông qua đường ống của PVGas D, theo lộ trình tăng giá khí của PVGas, giá khí sẽ tăng 10% trong những năm tiếp theo đến năm 2017, đây là lúc nhập khẩu khí LNG. Giá khí đầu vào tăng làm chi phí giá vốn hàng bán của Công ty tăng mạnh. Giá khí đầu vào tăng lên một mức cố định nhưng giá khí đầu ra lại biến động theo giá nhiên liệu thay thế là LPG, DO. Trong khi đó, việc tăng giá khí lại không dễ dàng đối với Công ty do khí thiên nhiên là nhiên liệu thay thế, được bán với giá cạnh tranh so với nhiên liệu khác.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty luôn có chính sách giá linh hoạt để phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực. Ngoài những chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất thông qua hoạt động giám sát chặt chẽ. Công ty luôn chú trọng xây dựng mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ký kết hợp đồng dài hạn với khách hàng và áp dụng giá bán theo giá LPG, DO thế giới, điều này giúp Công ty hạn chế rủi ro.

RỦI RO LÃI SUẤT

Bản chất rủi ro

Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao làm việc huy động vốn cho các dự án đầu tư trong tương lai sẽ trở nên khó khăn hơn.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty duy trì tỷ lệ nợ vay trên tổng tài sản ở mức thấp và có xu hướng đang giảm dần. Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn. Hiện tại, Công ty chủ yếu sử dụng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả. Đến hết năm 2014, số dư nợ vay của Công ty đang là 62,5 tỷ đồng, trong đó 30% là nợ vay dài hạn. Mặt bằng lãi vay đang thấp dần cùng với tỷ lệ nợ vay giảm xuống sẽ làm chi phí lãi vay của Công ty giảm đáng kể.

RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ

Bản chất rủi ro

Các khách hàng tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là hộ công nghiệp nên khi kinh tế Việt Nam chưa phục hồi, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, bất động sản trầm lắng, doanh nghiệp sản xuất cầm chừng, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm. Thêm vào đó, khi giá khí biến động tăng mạnh, khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác.

Rõ ràng, đây sẽ là yếu tố ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của Công ty. Trong những năm tiếp theo, tình hình kinh tế được dự báo sẽ có những biến động khó lường, và có khả năng gây ra những ảnh hưởng không tích cực đến Công ty.

Biện pháp phòng ngừa

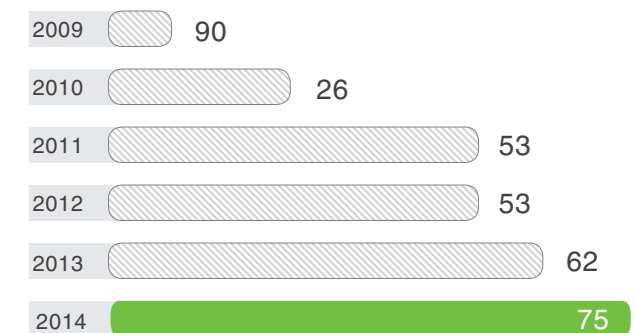
Ý thức được rủi ro này, Công ty luôn quan tâm để thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có và tìm kiếm khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên. Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ.

Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận. Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả, hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.

Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả nhằm lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu m³/năm trở lên và khoảng cách nhỏ hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư.

Sau sự sụt giảm về nhu cầu tiêu thụ trong năm 2012, từ năm 2013 đã chứng kiến sự tăng trưởng trở lại về nhu cầu khí của Công ty, thành quả này đã ghi nhận những nỗ lực không ngừng nghỉ của CNG VIETNAM trong suốt năm qua.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ (triệu m³)



RỦI RO VỀ KHOẢN PHẢI THU

Bản chất rủi ro

Nền kinh tế khó khăn làm giá trị dòng tiền trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, trong đó các khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn về bị chiếm dụng vốn, thất thoát nguồn vốn của Công ty. Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ nợ công khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận Công ty.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như: phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Với số lượng khách hàng hiện có là 35 Công ty, CNG VIETNAM luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lòng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoảng phải thu. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác vì các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Đối với các khoảng phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Từ lúc hoạt động đến nay, Công ty không đối mặt với những vụ kiện cáo liên quan đến những tranh chấp giải quyết đối với khách hàng. Trong năm 2014, số dư khoảng phải thu là hơn 153 tỷ đồng, chỉ tăng 1% so với năm 2013, trong khi đó doanh thu và sản lượng năm vừa qua tăng trưởng đều trên 2 con số.

CÔNG TY KHÔNG CÓ BẤT KỲ RỦI RO TÍN DỤNG TRỌNG YẾU NÀO VỚI CÁC KHÁCH HÀNG VÀ CÁC ĐỐI TÁC VÌ CÁC KHOẢN PHẢI THU ĐẾN TỪ CÁC KHÁCH HÀNG HOẠT ĐỘNG TRONG NHIỀU NGÀNH KHÁC NHAU VÀ PHÂN BỐ Ở CÁC KHU VỰC ĐỊA LÝ KHÁC NHAU



189

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

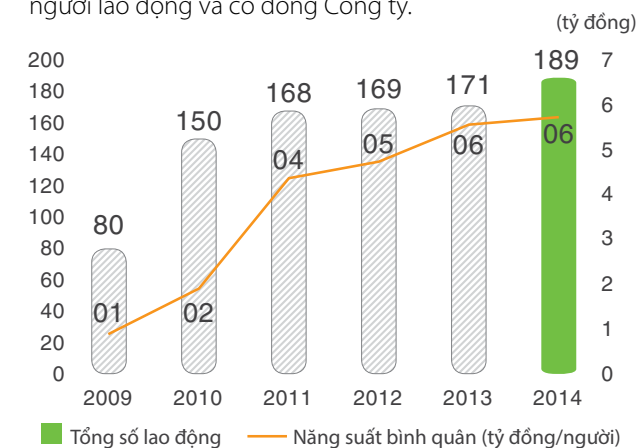
Bản chất rủi ro

Với hoạt động kinh doanh chính là sản xuất và chiết nạp khí CNG, LNG và LPG, nguồn nhân lực Công ty luôn được đào tạo bài bản với trình độ chuyên môn cao. Việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng đòi hỏi kỹ năng và trình độ cao. Rủi ro trong việc quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm bởi con người luôn là nhân tố quyết định cho sự thành công của bất kỳ doanh nghiệp nào. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, nguồn nhân lực chất lượng càng là vấn đề thách thức đối với Công ty.

Biện pháp phòng ngừa

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực. Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực và hiệu quả trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và chế độ khác một cách công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng đây cũng là cơ hội để Công ty tìm kiếm, bổ sung nguồn nhân lực chất lượng với chi phí hợp lý.

Trong năm 2014, Công ty đã tạo việc làm và thu nhập ổn định cho 189 lao động, lương bình quân tăng từ 14,5 triệu đồng năm 2013 lên 15,9 triệu đồng/người/tháng năm 2014. Việc phát hành cổ phiếu cho người lao động cũng được diễn ra với sự đồng thuận cao của toàn thể người lao động và cổ đông Công ty.



Nguồn nhân lực của Công ty không chỉ thể hiện qua việc tăng lên về số lượng, mà chất lượng nguồn lao động cũng tăng lên vượt bậc, thể hiện qua tỷ số tổng doanh thu trên số lượng lao động. Trung bình, một lao động của Công ty tạo ra 5,7 tỷ đồng doanh thu cho Công ty trong năm 2013. Nguồn lao động có chất lượng là yếu tố nội tại quan trọng đảm bảo cho sự phát triển bền vững của Công ty trong tương lai.



ĐỐI VỚI CÔNG TY, CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN LAO ĐỘNG TRONG QUÁ HOẠT ĐỘNG LUÔN ĐƯỢC ĐẶT LÊN HÀNG ĐẦU. CÁC HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH LUÔN ĐƯỢC GIÁM SÁT CHẶT CHẼ VÀ TUÂN THEO QUY TRÌNH NHẤT ĐỊNH. NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC ĐÀO TẠO BÀI BẢN TRƯỚC KHI VẬN HÀNH, CÔNG TÁC BẢO HỘ LAO ĐỘNG ĐẶC BIỆT ĐƯỢC CHÚ TRỌNG.



RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Bản chất rủi ro

Với đặc thù là ngành dầu khí, các rủi ro trong quá trình vận hành như hỏa hoạn, sự cố máy móc, tai nạn lao động... luôn tiềm ẩn trong quá trình sản xuất, vận chuyển và phân phối khí. Một khi các rủi ro xảy ra, những hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây thiệt hại về tài sản, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi.

Biện pháp phòng ngừa

Đối với Công ty, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định. Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra. Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty còn xây dựng và áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu Chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp trong ngành khí.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng thành các quy định cụ thể, với sự nhất quán trong toàn bộ máy quản lý của Công ty thông qua việc quảng bá sâu rộng các kiến thức về rủi ro. Trong thực tế, môi trường kinh doanh luôn thay đổi, các tình huống sẽ diễn ra bất ngờ, Công ty luôn không ngừng nghiên cứu, chỉ ra các rủi ro mới, nhằm tích hợp linh hoạt, kịp thời các biện pháp giải quyết. Không chỉ đảm bảo tốt việc vận hành an toàn hiện hữu, điều này còn giúp doanh nghiệp kịp thời nắm bắt các cơ hội thị trường. Hệ thống quản trị rủi ro sẽ nền tảng để doanh nghiệp có những bước đi vững chắc trên định hướng “Phát triển bền vững”.



Cho tương lai **rộng** mở



Đây là năm đầu tiên Công ty cổ phần CNG Việt Nam thực hiện báo phát triển bền vững với mục đích hướng đến minh bạch hóa các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm giữ vững niềm tin với cổ đông và nâng cao uy tín với các đối tác trên thị trường.

Công ty cổ phần CNG VIETNAM thực hiện báo cáo dựa trên quy chuẩn của Global Reporting Initiative (GRI), hướng dẫn G4. Báo cáo này được soạn thảo theo các thông tin do chúng tôi thu thập và xác minh. Trong đó, các số liệu về tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Báo cáo này gồm tất cả các số liệu công bố về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và tại nhà máy CNG Phú Mỹ cho năm tài chính 2014. Toàn bộ các thông tin và dữ liệu trong báo cáo được Công ty cập nhật thường xuyên, định kỳ thông qua các hệ thống đo lường tự thiết lập và tham vấn của các bên liên quan để đảm bảo các vấn đề trình bày trong báo cáo là trung thực và đáng tin cậy.

Báo cáo này được soạn thảo bởi Tổ báo cáo phát triển bền vững của Công ty. Ban Điều hành ghi nhận sự nỗ lực của toàn thể CBCNV trong việc hoàn thành báo cáo. Các ý kiến đóng góp hoặc những câu hỏi liên quan về nội dung báo cáo, Quý vị vui lòng liên hệ:

- CTCP CNG Việt Nam - Bộ phận phụ trách lập báo cáo

Địa chỉ liên lạc: Tầng 7, Tòa nhà Gas Tower, 61B, đường 30/4, P. Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu.

- Số điện thoại: +84 64 3574635

- Bà Nguyễn Thị Hồng Hải – Phó Tổng Giám đốc .



VÀO THỜI ĐIỂM NÀY, KHI NHÌN LẠI THÀNH QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC VÀ XÂY DỰNG ĐỊNH HƯỚNG TRONG TƯƠNG LAI, NGOÀI VIỆC TẬP TRUNG SẢN XUẤT, CNG VIETNAM ĐÃ NHẬN THỨC CẦN QUAN TÂM TỚI CÁC TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG NẾU MUỐN HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DÀI HẠN. ĐÂY CHÍNH LÀ THÔNG điệp HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NÓI CHUNG VÀ CNG VIỆT NAM NÓI RIÊNG.

Qua 7 năm hình thành và phát triển, với việc tập trung vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã trở thành doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động rộng khắp cả nước với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí nén thiên nhiên (CNG). Vào thời điểm này, khi nhìn lại thành quả đã đạt được và xây dựng định hướng trong tương lai, ngoài việc tập trung sản xuất, CNG VIETNAM đã nhận thức cần quan tâm tới các tác động đến môi trường và cộng đồng nếu muốn hướng đến phát triển dài hạn. Đây chính là thông điệp hướng đến phát triển bền vững của các doanh nghiệp nói chung và CNG Việt Nam nói riêng. Công ty tin rằng định hướng này sẽ tạo nên sự phát triển bền vững cho CNG VIETNAM, thực hiện đúng kỳ vọng của các cổ đông, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Với nhận thức đó, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo đã chủ trương và từng bước đưa vấn đề phát triển bền vững vào tất cả các hoạt động của Công ty đồng thời phổ biến văn hóa phát triển bền vững đến toàn thể CBCNV.

Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty nhận diện các rủi ro và cơ hội như sau:

RỦI RO

Các rủi ro cụ thể đã được Công ty báo cáo và nêu rõ trong phần "Quản trị rủi ro". Tuy nhiên, CNG VIETNAM cũng đã nhận ra được các rủi ro có thể xảy ra do tác động từ môi trường bên ngoài đến sự phát triển bền vững của Công ty như: ý thức, tinh thần hợp tác và năng lực của người lao động trong việc phát triển bền vững; cần có sự đầu tư lớn mới đáp ứng được các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn quốc tế; tình hình biến động kinh tế đã ảnh

hưởng đến thị trường tiêu thụ, nhà cung cấp nguồn khí đầu vào của CNG VIETNAM là nhà cung cấp độc quyền.

CƠ HỘI

Không chỉ nhận diện được rủi ro mà CNG VIETNAM còn nhận thức được rằng xu hướng phát triển bền vững cũng mang lại những cơ hội to lớn. Chúng tôi đã nhìn thấy được những lợi ích tiềm ẩn, bao gồm:

- Nhận được sự hỗ trợ của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, PVGas, PVGas South, các thành viên trong PVGas và các ban ngành, địa phương;
- Nhu cầu về nhiên liệu sạch, đặc biệt là nhu cầu về CNG/LNG của thị trường ngày càng tăng do đó giúp CNG nâng cao tính cạnh tranh và là sự lựa chọn của các khách hàng sử dụng nhiên liệu trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt;
- Có được đội ngũ lao động giỏi và ổn định nhờ vào việc tuân thủ các quy định trong lĩnh vực xã hội.
- Hình ảnh và uy tín của Công ty được duy trì và nâng lên tầm cao mới.

Với CNG VIETNAM, nhận diện, đánh giá, phân tích các tác động, rủi ro, cơ hội là vấn đề quan trọng để từ đó xây dựng và thiết lập các giải pháp phù hợp. Theo đó, quản trị rủi ro là một bộ phận không thể tách rời với chiến lược phát triển bền vững của doanh nghiệp. Sự gắn kết với quản trị rủi ro trong quá trình thực hiện các mục tiêu, tầm nhìn, định hướng, sứ mệnh của doanh nghiệp sẽ mang lại sự phát triển ổn định và bền vững lâu dài cho CNG VIETNAM.





TRONG CHẶNG ĐƯỜNG 7 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, TỪ MỘT DOANH NGHIỆP ĐI TIÊN PHONG TRONG NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ THIÊN NHIÊN, ĐẾN NAY CNG VIETNAM LÀ MỘT NHÀ CUNG CẤP NĂNG LƯỢNG AN TOÀN, ĐÁNG TIN CẬY VÀ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG TẠI VIỆT NAM. CNG VIETNAM VẪN LUÔN ĐẶT MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG LÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA DOANH NGHIỆP, GẮN LIỀN VỚI TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG XÃ HỘI VÀ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG.



Hệ thống quản trị của CNG VIETNAM được thực hiện đúng theo các quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty. Tuy nhiên để gắn liền với định hướng phát triển bền vững, hiện nay Công ty đã bắt đầu xây dựng, triển khai và từng bước hoàn thiện công tác quản trị theo hướng xuyên suốt từ cấp lãnh đạo cao nhất đến từng nhân viên trong toàn Công ty. Công tác quản trị được phân công cụ thể như sau:

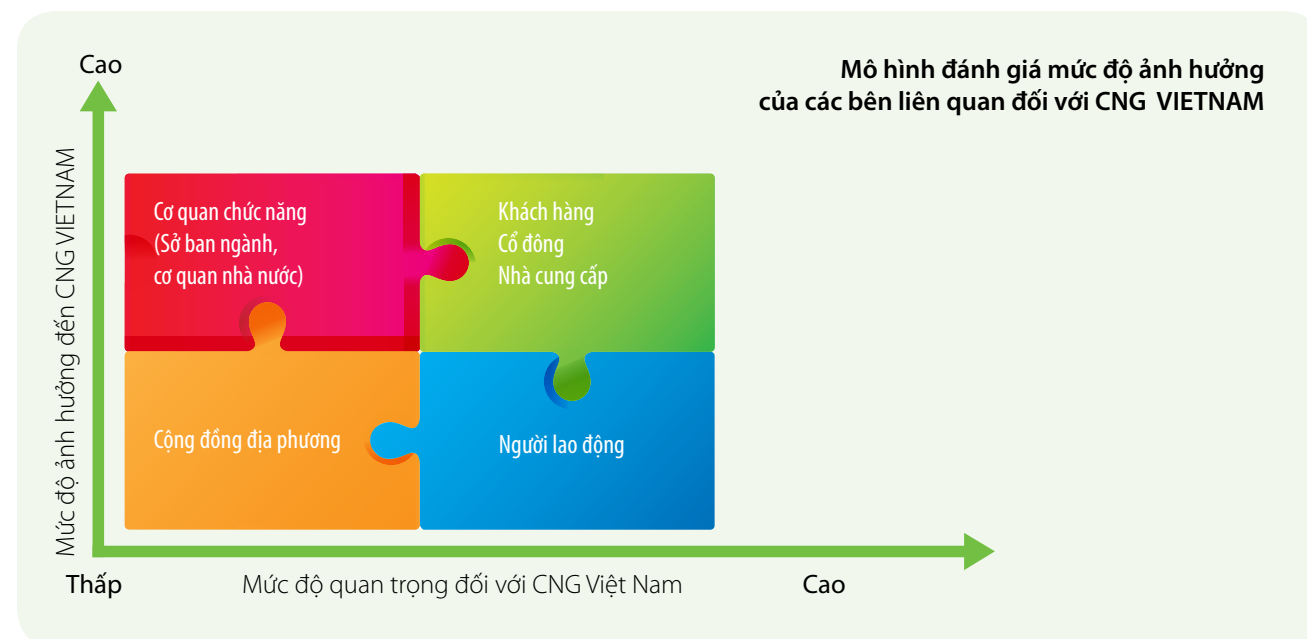
STT	BỘ PHẬN PHỤ TRÁCH	TRÁCH NHIỆM
1	Hội đồng Quản trị	<ul style="list-style-type: none"> Hoạch định mục tiêu chiến lược và định hướng phát triển bền vững; Chỉ đạo và xử lý các vấn đề liên quan đến phát triển bền vững thông qua báo cáo của Ban Điều hành; Điều hành, triển khai thực hiện các hoạt động theo mục tiêu chiến lược và định hướng bền vững;
2	Ban Tổng Giám đốc	<ul style="list-style-type: none"> Theo dõi, giám sát và điều hành các hoạt động hàng ngày; Tham mưu cho Hội đồng Quản trị các phương án tối ưu hướng đến hoạt động ổn định và bền vững.
3	Phòng ban, Nhà máy	<ul style="list-style-type: none"> Lên kế hoạch chi tiết hành động vì mục tiêu hoạt động bền vững ; Xây dựng quy trình phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.
4	Nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật Nhà nước và các quy trình hoạt động của Công ty.



Các bên liên quan được xem là đối tác quan trọng bậc nhất của CNG VIETNAM và có tầm ảnh hưởng lớn đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Xác định được điều đó, chúng tôi đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ thông qua các chương trình khảo sát, gửi phiếu lấy ý kiến và các phương thức tiếp cận khác.

CÁC BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG

Trong năm 2014, CNG VIETNAM đã chủ động tham vấn các bên liên quan có tầm ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty về phương diện môi trường kinh tế và xã hội. Các bên liên quan quan trọng của chúng tôi bao gồm: khách hàng, cổ đông, nhà cung cấp, người lao động và các cơ quan chức năng và cộng đồng địa phương. CNG VIETNAM xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các Bên liên quan đối với Công ty theo “mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” như sau:



CƠ CHẾ TIẾP NHẬN Ý KIẾN TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đối với cổ đông

Cổ đông là bên liên quan quan trọng với Công ty. Mối liên hệ giữa CNG VIETNAM và các cổ đông đặc biệt được chú trọng. Công ty luôn luôn cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết đến các cổ đông, đồng thời cũng thiết lập, duy trì sự liên hệ và tiếp nhận các ý kiến, khuyến nghị từ các cổ đông. Thông qua đó, CNG VIETNAM có thể tiếp cận các mong đợi, các mối quan tâm từ các cổ đông. Công tác quan hệ với cổ đông được thực hiện một cách rất linh hoạt và tạo điều kiện tốt nhất cho cổ đông cập nhật thông tin của Công ty qua các hình thức:

CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐƯỢC XEM LÀ ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT CỦA CNG VIETNAM VÀ CÓ TẦM ẢNH HƯỞNG LỚN ĐỐI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY VỀ CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

- Tham dự ngày Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Nhà đầu tư đến thăm quan và tìm hiểu trực tiếp trụ sở Công ty;
- Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại;
- Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email;
- Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.

Đối với khách hàng

CNG VIETNAM duy trì mối liên hệ, đối thoại với các khách hàng một cách thường xuyên và định kỳ. Theo quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng” của Công ty, hàng năm CNG VIETNAM sẽ thực hiện việc khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”. Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời. Bên cạnh đó, khách hàng cũng có thể liên hệ bất cứ lúc nào đến đường dây nóng hoặc thông qua email nhận ý kiến phản hồi của Công ty.

Đối với người lao động

Các kênh thông tin giữa CNG VIETNAM và người lao động được xác lập đa dạng nhiều hình thức. Người lao động có thể đóng góp ý kiến và các kiến nghị theo định kỳ hoặc thường xuyên:

- Thông qua tổ chức Công đoàn và Đoàn thanh niên của Công ty;
- Thông qua Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm;

- Hình thức “Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc” theo quy chế dân chủ mà công ty đã ban hành.

Đối với nhà cung cấp

Đối với CNG VIETNAM, nhà cung cấp giữ một vai trò đặc biệt và là đối tác cực kỳ quan trọng. Hiện nay, Công ty CP phân phối khí thấp áp dầu khí Việt Nam (PV Gas D) là đơn vị cung cấp khí đầu vào duy nhất cho hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM. Bên cạnh đó còn nhiều nhà cung cấp khác như: cung cấp dịch vụ vận chuyển, bảo dưỡng sửa chữa và cung cấp thiết bị... Hoạt động sản xuất CNG là hoạt động đặc thù và yêu cầu về an toàn rất cao, do đó việc tạo dựng và duy trì mối quan hệ tốt đẹp, hợp tác lâu dài với các nhà cung cấp uy tín là rất quan trọng. CNG VIETNAM và các nhà cung cấp luôn giữ kênh thông tin gặp gỡ trực tiếp, trao đổi thường xuyên về các vấn đề phát sinh, giải quyết khúc mắc một cách nhanh chóng nhằm ổn định sản xuất và duy trì kinh doanh liên tục.

Đối với các bên liên quan khác

- Đối với các sở, ban ngành và các cơ quan nhà nước: Tham gia đầy đủ các Hội nghị, Hội thảo do các sở ban ngành tổ chức. Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới.
- Đối với cộng đồng địa phương: Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của người dân địa phương. Bên cạnh đó, CNG VIETNAM luôn có các hoạt động thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, hộ nghèo và trẻ em nghèo hiếu học tại địa phương.



CNG VIETNAM DUY TRÌ MỐI LIÊN HỆ, ĐỐI THOẠI VỚI CÁC KHÁCH HÀNG MỘT CÁCH THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐỊNH KỲ. THEO QUY TRÌNH “BÁN KHÍ VÀ CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG” CỦA CÔNG TY, HÀNG NĂM CNG VIETNAM SẼ THỰC HIỆN VIỆC KHẢO SÁT Ý KIẾN, SỰ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG THÔNG QUA “PHIẾU THĂM DÒ Ý KIẾN”.

MỐI QUAN TÂM KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ NỘI DUNG BÁO CÁO TƯƠNG ỨNG

Căn cứ việc tham vấn các bên liên quan, CNG VIETNAM có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được nội dung mà báo cáo cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm và kỳ vọng đó.

Mặt khác, nội dung mà báo cáo chọn cũng là những vấn đề trọng tâm mà Công ty hướng tới vì các vấn đề có ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty về các mặt kinh tế, xã hội và môi trường.

CNG VIETNAM cũng đã thực hiện các bước thu thập các chỉ số liên quan đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề trọng yếu đồng thời đảm bảo tính đầy đủ, tuần thủ và độ tin cậy.

Các chủ đề mà các bên liên quan quan tâm và các nội dung báo cáo tương ứng được trình bày như bảng dưới đây.



Các bên liên quan	Các mối quan tâm và kỳ vọng	Nội dung báo cáo
Khách hàng, nhà cung cấp	An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường	Hiệu quả kinh tế, an toàn trong sản xuất, môi trường
Cổ đồng	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực	Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường
Người lao động	Hầu hết CBCNV của công ty quan tâm đến các vấn đề có liên quan đến quyền lợi của họ tiền lương, thu nhập, kết quả kinh doanh của công ty, thăng tiến, an toàn sức khỏe nghề nghiệp và môi trường làm việc.	Hiệu quả kinh tế, môi trường làm việc, giáo dục và đào tạo, an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
Cộng đồng	Môi trường, an toàn sản xuất và quyền lợi cho người lao động địa phương	Môi trường, hỗ trợ cộng đồng
Cơ quan chức năng	Môi trường, chăm sóc về sức khỏe và an toàn lao động, quản lý nước thải và chất thải, việc tuân thủ các quy định pháp luật	Hiệu quả kinh tế, an toàn trong sản xuất.



HIỆU QUẢ KINH TẾ

Hiệu quả trong hoạt động kinh tế của Công ty đã được trình bày và phân tích chi tiết tại mục Tình hình tài chính trong phần "Tình hình hoạt động kinh doanh" của Báo cáo này.

MÔI TRƯỜNG

Ngày nay, vấn đề bảo vệ môi trường không của riêng ai mà là của toàn xã hội. Nhằm đảm bảo sự phát triển kinh tế kết hợp bảo vệ môi trường theo xu hướng phát triển bền vững toàn cầu, CNG VIETNAM đã và đang thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước.

CNG VIETNAM đã áp dụng các giải pháp: Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004, Kiểm soát và xử lý nước thải và chất thải, Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và nước... để bảo vệ môi trường, thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty vì môi trường xanh sạch.

Kiểm soát và xử lý chất thải và nước thải

CNG VIETNAM luôn xem trọng việc bảo vệ môi trường và thực hiện việc kiểm tra môi trường làm việc thường xuyên từ văn phòng, nhà máy đến môi trường xung quanh. Công ty đã áp dụng các biện pháp và hành động cụ thể để kiểm soát và xử lý chất thải



và nước thải trong toàn Công ty tạo môi trường làm việc "xanh - sạch - đẹp".

Trong quá trình vận hành Nhà máy, chất thải được tạo ra ở các dạng chất thải rắn và lỏng được CNG VIETNAM quản lý và kiểm soát chặt chẽ bằng các giải pháp và hệ thống thiết bị phù hợp, đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2004 về Quản lý môi trường.

Chất thải rắn

Về Chất thải rắn sinh hoạt: Công ty đã bố trí hệ thống các thùng rác trong phạm vi toàn công ty nhằm tránh hiện tượng rác thải sinh hoạt này bị vứt bỏ bừa bãi. Lượng rác thải này sẽ được công ty dịch vụ Đô thị Tân Thành thu gom hằng ngày.

CNG VIETNAM LUÔN XEM TRỌNG VIỆC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ THỰC HIỆN VIỆC KIỂM TRA MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC THƯỜNG XUYÊN TỪ VĂN PHÒNG, NHÀ MÁY ĐẾN MÔI TRƯỜNG XUNG QUANH. CÔNG TY ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP VÀ HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ ĐỂ KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ NƯỚC THẢI TRONG TOÀN CÔNG TY TẠO MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC "XANH - SẠCH - ĐẸP".

Về Chất thải sản xuất không nguy hại: Đối với nhóm sản phẩm thuộc nhóm kim loại, nhựa, giấy, thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Các chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng như bao bì, thùng giấy... được thu gom, cho vào bao tải và bàn giao cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Đây là phương pháp được khuyến khích vì không những mang lại lợi ích kinh tế mà còn hạn chế ô nhiễm môi trường. Các chất thải công nghiệp không có khả năng tái chế sẽ được thu gom riêng và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

Về Chất thải sản xuất nguy hại: Được phân loại và đóng gói chất thải theo từng chủng loại, được lưu trữ trong các thùng có nắp đậy và dán nhãn. Công ty đã ký kết hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý rác thải nguy hại theo đúng quy định của Thông tư 12/2011/TT-BTNMT.

Nước thải

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh, các bồn rửa tay thì công ty đã cho xây dựng, lắp đặt hệ thống đường ống thu gom riêng tách biệt với hệ thống thu gom

nước mưa. Công ty cũng đã ký Hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Đầu tư và khai thác hạ tầng KCN Phú Mỹ I để xử lý nước thải trước khi thải vào môi trường.

Đối với nước mưa chảy tràn thì công ty có hệ thống thu gom nước mưa tách biệt với hệ thống thu gom nước thải. Công ty thường xuyên quét dọn mặt bằng nhà xưởng nên mức độ ảnh hưởng tới chất lượng nước mưa khi rơi trên diện tích nhà xưởng của công ty là không đáng kể



Bảng tiêu chí đo lường việc kiểm soát chất thải trong hoạt động sản xuất tại CNG VIET NAM

Tiêu chí	Năm 2013	Năm 2014
1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:		
- Chất thải rắn	372 kg/năm	1000 kg/năm
- Chất thải lỏng	3360 kg/năm	4000 kg/năm
2. Chất thải thông thường		
- Chất thải rắn	1180 kg/năm	1680 kg/năm
- Chất thải lỏng bùn	N/A	N/A
3. Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải.		
- Thải vào khu xử lý chung của KCN	10,322.80 m ³ /năm	740.00 m ³ /năm

Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước

Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước là một trong những mục tiêu quan trọng trong việc quản lý, sử dụng năng lượng và tài nguyên nước một cách hiệu quả. Để thực hiện mục tiêu đó CNG VIETNAM đã triển khai các hoạt động cụ thể sau:

Nâng cao chất lượng quản lý.

Năm 2014, CNG VIETNAM đã triển khai và xây dựng hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 và thực hiện kiểm toán năng lượng cho toàn bộ Nhà máy và các trạm con.

Ban hành và xây dựng một số nội quy sử dụng trong Công ty nhằm buộc Cán bộ công nhân viên phải có ý thức, trách nhiệm tiết kiệm điện, nước đảm bảo cho việc tiết kiệm đi vào nề nếp, ổn định và lâu dài.

Công ty đã thành lập Ban quản lý năng lượng nhằm mục đích:

Cho phép quản lý chi phí năng lượng một cách có hệ thống nhằm tiết kiệm chi phí năng lượng, giảm giá thành sản phẩm;

- Giảm chi phí vận hành và bảo trì;
- Tăng nhận thức của nhân viên về việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, giảm lãng phí;
- Nâng cao kiến thức của lãnh đạo và nhân viên về quản lý năng lượng;
- Có kế hoạch và mục tiêu về sử dụng năng lượng;
- Có một hệ thống thủ tục quan sát và kiểm tra vấn đề sử dụng năng lượng;
- Có các hệ thống báo cáo về tình hình năng lượng cho các cấp có liên quan;
- Hỗ trợ những hệ thống quản lý chất lượng khác như ISO 9001,14001, TQM,v.v..
- Thay thế hệ thống chiếu sáng hiện tại bằng hệ thống đèn LED hiệu suất cao. Bằng việc làm này giúp tiết kiệm đến 50% năng lượng.
- Thay thế dần các máy lạnh cũ bằng máy sử dụng công nghệ inverter tiết kiệm năng lượng. Việc này có thể giúp tiết kiệm 30% lượng điện năng tiêu thụ.



Bảng tiêu chí đo lường mức sử dụng năng lượng và tài nguyên nước qua các năm 2012, 2013, 2014

Tên vật tư	Đơn vị	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014	
		Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền	Số lượng	Tiền
Dầu Diesel 0.05&	lit	492.506	9.480.298.816	385.587	7.674.657.695	364.964	7.245.445.269
Nhớt PLC Komart	lit	3.402	161.736.362	3.942	183.163.638	4.764	221.114.279
Xăng Mogas A92	lit	42.780	883.136.545	55.483	1.197.879.441	94.051	2.057.250.910
Điện sử dụng cho nhà máy	KW	3.733.700	5.697.323.368	5.717.400	8.475.523.156	6.097.200	9.096.039.377
Nước sinh hoạt	m ³	8.664	68.755.875	13.531	117.145.610	5.025	50.100.770

AN TOÀN LÀ MỘT TRONG NHỮNG NHIỆM VỤ QUAN TRỌNG HÀNG ĐẦU, CÓ TÍNH CHẤT SỐNG CÒN ĐỐI VỚI NGÀNH CÔNG NGHIỆP KHÍ NÓI CHUNG VÀ KINH DOANH SẢN PHẨM KHÍ CNG NÓI RIÊNG, NƠI LUÔN TIỀM ẨN CÁC YẾU TỐ NGUY HIỂM RỦI RO CAO.



AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

An toàn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, có tính chất sống còn đối với ngành công nghiệp khí nói chung và kinh doanh sản phẩm khí CNG nói riêng, nơi luôn tiềm ẩn các yếu tố nguy hiểm rủi ro cao. Chính vì vậy, công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ tính mạng con người và tài sản tại CNG VIETNAM luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc từ các cấp lãnh đạo.

An toàn trong công nghệ, vận hành, vận chuyển CNG

CNG VIETNAM luôn lựa chọn thiết bị hàng đầu thế giới vào trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hầu hết các thiết bị của CNG Việt Nam như Bồn, máy nén, trạm giảm áp có xuất xứ từ Canada, Mỹ, Đức, Ý, Anh nhằm giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.

Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG cũng được lựa chọn sao cho quá trình thao tác đơn giản, tự động hóa cao. Các thiết bị phương tiện có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đều được kiểm định định kỳ theo đúng quy định.

Hệ thống quản lý an toàn - chất lượng - môi trường theo tiêu chuẩn ISO & OHSAS tại CNG VIETNAM được duy trì và cải tiến liên tục, mang lại hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty:

- » Kiểm soát tất cả các mối nguy và yếu tố tác động môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh;
- » Xây dựng các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị tại Nhà máy Phú Mỹ và các trạm khách hàng; Áp dụng, giám sát thực hiện, cập nhật thường xuyên.
- » Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí CNG và con người điều khiển trước khi thực hiện nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.
- » Công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị theo đúng định kỳ, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.
- » Tổ chức huấn luyện, đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, an toàn đầy đủ cho CBCNV công ty, đưa văn hóa an toàn thấm nhuần đến từng CBCNV, đặc biệt là lực lượng sản xuất trực tiếp.
- » Ngay từ những năm đầu mới thành lập, CNG VIETNAM đã thiết lập hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên và xây dựng quy chế hoạt động với mục đích đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động tại Nhà máy CNG Phú Mỹ và các trạm con. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao

động cho mạng lưới nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của họ cũng như đảm bảo công tác an toàn vệ sinh lao động cho Công ty.

Công tác phối hợp với khách hàng, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng

Văn hoá an toàn giữa CNG VIETNAM và các khách hàng có nhiều khác nhau, tuy nhiên, CNG VIETNAM luôn tuân thủ các quy định về an toàn của các khách hàng. Cùng với đó, phát huy các điểm mạnh, CNG VIETNAM luôn hỗ trợ khách hàng trong quá trình đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn, hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành CNG, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.

Các quy trình phối hợp vận hành giữa CNG VIETNAM và các khách hàng được soạn thảo và thực hiện đầy đủ, là căn cứ quan trọng để các bên phối hợp kịp thời và xử lý nhanh các sự cố hỏng hóc thiết bị nếu có.

Kết quả đạt được về công tác an toàn, phòng chống cháy nổ của CNG Việt Nam

Trong nhiều năm qua, với sự nỗ lực của tập thể Ban Lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV, Công ty đã duy trì tốt các hoạt động an toàn - vệ sinh lao động - phòng chống cháy nổ, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn trong sản xuất, vận chuyển CNG. Hàng năm, trong đợt đánh giá giám sát hệ thống ATCLMT của Viện tiêu

chuẩn Anh - BSI Việt Nam, CNG VIETNAM luôn được đánh giá rất cao về quản lý an toàn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của CNG VIETNAM tuân thủ và đáp ứng được các mục tiêu của tiêu chuẩn, giảm thiểu rủi ro, không xảy ra tai nạn sự cố nghiêm trọng, tiếp tục đi đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu xanh, sạch, an toàn và thân thiện với môi trường.

Năm 2013, CNG VIETNAM vinh dự là 1 trong 23 doanh nghiệp có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn vệ sinh lao động được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu khen thưởng, tặng giấy khen.

Hàng năm, CNG VIETNAM luôn được Tập đoàn Dầu khí QGVN, Tổng Công ty Khí Việt Nam khen thưởng về công tác an toàn.

Văn hoá an toàn ngày càng được nâng cao trong toàn thể Cán bộ Công nhân viên Công ty.



NHÂN LỰC LÀ YẾU TỐ NỀN TẢNG, QUYẾT ĐỊNH SỰ TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY. THEO ĐÓ, VIỆC XÂY DỰNG VÀ THIẾT LẬP MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC HIỆN ĐẠI, CỞI MỞ NHẪM THU HÚT VÀ TẠO ĐỘNG LỰC LÀM VIỆC CHO TẬP THỂ CBCNV LÀ CÔNG TÁC ĐƯỢC CÔNG TY ĐẶC BIỆT CHÚ TRỌNG.



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Nhân lực là yếu tố nền tảng, quyết định sự tăng trưởng và phát triển của Công ty. Theo đó, việc xây dựng và thiết lập môi trường làm việc hiện đại, cởi mở nhằm thu hút và tạo động lực làm việc cho tập thể CBCNV là công tác được Công ty đặc biệt chú trọng. Theo đó, CNG VIETNAM xây dựng môi trường làm việc đảm bảo các yếu tố sau:

- Trân trọng giá trị lao động;
- Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp;
- Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện.

Trân trọng giá trị lao động

Trong quá trình hình thành và phát triển, một trong những định hướng mang tính chiến lược để thu hút và nâng cao trình độ, chất lượng nguồn nhân lực của Công ty là tích cực thúc đẩy, phát huy, tạo dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp phù hợp với văn hóa doanh nghiệp Petro Việt Nam và mang phong cách riêng mà trong đó giá trị của người lao động luôn được trân

trọng và phát huy. Một môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, thân thiện, gắn bó, đoàn kết chính là điểm mạnh thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đến làm việc tại Công ty.

- Ban Lãnh đạo luôn tạo điều kiện cho nhân viên chủ động trong công việc.
- CBCNV luôn nhận được sự hỗ trợ tối đa từ phía Ban Giám đốc, Trưởng bộ phận khi có yêu cầu hoặc khi gặp khó khăn trong xử lý công việc.
- Chế độ khen thưởng: CNG VIETNAM đang xây dựng một chính sách thi đua khen thưởng công bằng, cạnh tranh, phù hợp với đặc thù SXKD của Công ty, chính sách của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Ngoài những chế độ đãi ngộ cho nhân viên theo quy định của Nhà nước, Công ty còn phát triển chính sách khen thưởng, phúc lợi đặc thù như thưởng an toàn, đãi ngộ về y tế, bảo hiểm nhân thọ, ...
- Nhiều hoạt động nhằm mục đích khơi sáng trí tuệ, khỏe mạnh thể chất, vững chắc tinh thần được Công ty phối hợp cùng BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công

ty tổ chức thành công và mang lại hiệu quả cao như: Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, CLB bóng đá, tennis, cầu lông, bơi lội, CLB văn nghệ, phong trào chung tay giữ gìn môi trường xanh sạch đẹp, ... Các hoạt động đã thu hút nhiều CBCNV thi đua lao động sáng tạo, không ngừng rèn luyện, học tập nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện thể chất vì sự phát triển toàn diện và bền vững của CNG VIETNAM.

Công ty đã và đang xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, bình đẳng và cạnh tranh, tất cả CBCNV trong Công ty đều được đối xử công bằng, không phân biệt giới tính, tuổi tác, chủng tộc, thân thế, ...

Công ty đã xây dựng quy chế tiền lương, tiền lương tuân thủ theo các quy định của Nhà nước nhằm xây dựng một

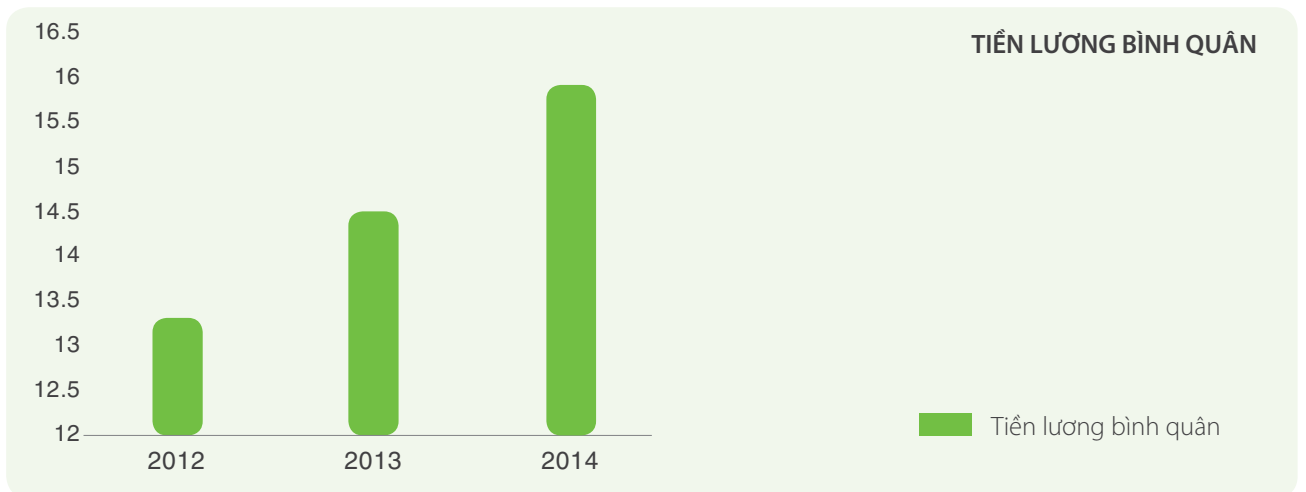
cơ chế trả lương công bằng và hiệu quả góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý, xây dựng môi trường làm việc công bằng, cạnh tranh, duy trì và phát triển nguồn nhân lực chất lượng và gắn bó với Công ty, cụ thể: Tiền lương, tiền thưởng của NLD được trả căn cứ vào các yếu tố:

- Phạm vi, trách nhiệm và nghĩa vụ của chức danh công việc đảm nhận;
- Năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc;
- Năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm làm việc của NLD;
- Hiệu quả SXKD của Công ty;

Bảng thống kê thu nhập bình quân của người lao động

		Đơn vị tính: triệu đồng		
STT	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Thu nhập BQ	13,3	14,5	15,9

Biểu đồ so sánh tiền lương bình quân qua các năm



Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp

Nhận thức rõ việc tạo điều kiện để từng nhân viên có cơ hội thăng tiến và không ngừng phát triển bản thân, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ là một trong các động lực quan trọng nhất để người lao động gắn bó lâu dài với Công ty, CNG VIETNAM đã từng bước hoàn thiện việc đánh giá nhân viên theo đúng năng lực làm việc và đào tạo để phát triển đội ngũ kế thừa cho các vị trí quan trọng. CNG VIETNAM cam kết mọi nhân viên đều được tạo cơ hội một cách bình đẳng dựa trên năng lực.

Trong năm 2014, CNG VIETNAM đã tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu để phát triển đội ngũ nhân viên, đặc biệt là năng lực quản lý. Ban Lãnh đạo cũng cam kết sẽ tạo môi trường tốt nhất để nhân viên phát huy hết khả năng của mình. Môi trường ấy là nơi để CBCNV có thể cống hiến hết mình, không ngừng sáng tạo, phát huy thế mạnh và cùng lớn mạnh với ngôi nhà CNG VIETNAM.



Bảng thống kê số lượng CBCNV được đề bạt thăng tiến.

TT	Năm	Số lượng nhân viên được đề bạt thăng tiến	Tỷ lệ trên tổng số lao động
1	2012	06	3.56%
2	2013	03	1.71%
3	2014	09	4.76%

SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRÊN CƠ SỞ TỰ NGUYỆN

Quan hệ lao động được CNG VIETNAM xem là một yếu tố quan trọng để hình thành và duy trì sự hài hòa trong kinh doanh. Công ty sử dụng lao động trên cơ sở tuân thủ theo Luật lao động hiện hành. Người lao động và Ban Lãnh đạo tin tưởng lẫn nhau để chia sẻ kỳ vọng cũng như lợi ích cho cả hai bên.

Người lao động thường xuyên được trao đổi với lãnh đạo về các vấn đề mà họ quan tâm thông qua Đoàn thanh niên, Công đoàn và định kỳ tại các cuộc đối thoại trực tiếp với người lao động hàng quý và tại Hội nghị người lao động hàng năm. Công ty đã ban hành Quy chế thực hiện dân chủ theo Quyết định số 195/QĐ – CNG ngày 19/8/2013. Kể từ khi ban hành, Quy chế dân chủ đã được triển khai thực hiện tốt trong toàn Công ty được thể hiện qua:

Việc lập kế hoạch SXKD hàng quý, năm được thực hiện từ các phòng, ban, đơn vị.

QUAN HỆ LAO ĐỘNG ĐƯỢC CNG VIETNAM XEM LÀ MỘT YẾU TỐ QUAN TRỌNG ĐỂ HÌNH THÀNH VÀ DUỠ TRÌ SỰ HÀI HÒA TRONG KINH DOANH. CÔNG TY SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRÊN CƠ SỞ TUÂN THỦ THEO LUẬT LAO ĐỘNG HIỆN HÀNH. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ BAN LÃNH ĐẠO TIN TƯỜNG LÃN NHAU ĐỂ CHIA SẺ KỶ VỌNG CỨNG NHƯ LỢI ÍCH CHO CẢ HAI BÊN.

☑ Công khai hóa kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD của Công ty trước hội nghị người lao động gồm: Chỉ tiêu doanh thu, nộp ngân sách, các khoản đầu tư phát triển, tình hình trích lập quỹ phúc lợi và trích nộp các loại bảo hiểm cho NLD.

☑ Tổng Giám đốc và Chủ tịch công đoàn Công ty luôn tiếp nhận các ý kiến đóng góp xây dựng Công ty, thông qua các cấp quản lý đơn vị, các tổ công đoàn và trực tiếp người lao động.

☑ Phát huy quyền dân chủ trực tiếp của Người lao động; tạo điều kiện để Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của Người lao động;

☑ Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Người sử dụng lao động đối với Người lao động; tạo điều kiện để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội của Công ty hoạt động theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho Người lao động;

☑ Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, góp phần phòng ngừa và hạn chế tranh chấp lao động trong hoạt động SXKD; thực hiện dân chủ trong khuôn khổ pháp luật, xây dựng Công ty phát triển bền vững.

Ngay từ những năm đầu mới thành lập, Tổng Giám đốc đại diện cho người sử dụng lao động và Chủ tịch công đoàn đại diện cho người lao động cùng ký kết "Thỏa ước

lao động tập thể" sau khi hai bên cùng thống nhất về các nội dung và điều khoản hoàn toàn phù hợp với luật hiện hành. Thỏa ước lao động tập thể bao gồm các điều khoản có lợi cho người lao động.

Trong năm 2014, tất cả nhân viên vào công ty đều được ký kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với yêu cầu vị trí công việc. Mọi quyền lợi của người lao động được đảm bảo theo Bộ Luật lao động và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty.

Bảng thống kê về lao động qua các năm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Hợp đồng lao động				
a	Không xác định thời hạn	Người	73	97	131
b	Xác định thời hạn 1 – 3 năm	"	95	74	54
c	Thời hạn ngắn hơn 01 năm	"	1	4	4
2	Tỷ lệ nhân viên được ký hợp đồng lao động	%	100%	100%	100%
3	Biến động về nhân viên				
a	Tuyển dụng mới	"	27	16	19
b	Nghỉ việc	"	26	10	5
	Nghỉ hưu	"	1	0	0
	Chấm dứt hợp đồng	"	25	10	5



GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Với nhận thức sâu sắc của Ban Lãnh đạo Công ty về vai trò nguồn nhân lực là yếu tố quyết định và đồng hành với sự phát triển của Công ty, đặc biệt đối với một ngành công nghiệp khí CNG đòi hỏi chất lượng nguồn nhân lực cao. Bên cạnh việc tuyển dụng các ứng viên khá giỏi, có kinh nghiệm vào làm việc cho Công ty, trong các năm qua Công ty đã xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo dựa trên tiêu chí đa dạng, bám sát nhu cầu thực tế nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ CBCNV, đáp ứng những đòi hỏi mới của yêu cầu SXKD và đầu tư phát triển về nhiều lĩnh vực, nhiều chuyên ngành như: Ngoại ngữ, kỹ thuật, quản trị và các kỹ năng làm việc khác cho CBCNV thể hiện qua số khóa đào tạo, số lượt người được đào tạo và chi phí dành cho đào tạo ổn định và có xu hướng tăng dần qua các năm. Bên cạnh các khóa đào tạo thường xuyên, CNG VIETNAM đã triển khai các chương trình đào tạo nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý như khóa học “Nâng cao năng lực quản lý cho đội ngũ quản lý cấp trung”, “Quản trị Công ty”...

Các bộ phận phụ trách đào tạo bao gồm: Ban TC – HC, Ban KT – AT – CL, Giám đốc, Phó Giám đốc Nhà máy và Trưởng các Phòng tại Nhà máy CNG Phú Mỹ. Sau khi tham gia các khóa đào tạo, các cán bộ được đào tạo sẽ đào tạo lại cho các nhân viên khác theo mô hình đào tạo nội bộ.

Ngay từ khi mới thành lập, Công ty đã ban hành quy trình đào tạo, quy trình này yêu cầu phải tiến hành phân tích nhu cầu đào tạo và đánh giá sau đào tạo. Nhờ vào đó, Công ty đã lựa chọn đúng các khóa đào tạo và đối tượng đào tạo để đảm bảo nguồn lực đào tạo đáp ứng được yêu cầu công việc và sự phát triển của Công ty.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ về an toàn, về quy trình vận hành, quy trình phối hợp để đảm bảo an toàn trong vận hành và vận chuyển khí CNG.

Bảng thống kê về đào tạo của CNG VIETNAM

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Số lượng khóa đào tạo:	Khóa	44	43	45
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	8	12	13
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	36	31	32
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	725	427	552
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	626	369	467
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	99	58	85
3	Số giờ đào tạo/nhân viên	Giờ	0.97	1.61	1.3
4	Chi phí dành cho hoạt động đào tạo:	Tỷ đồng			
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	2.05	1.9	1.2
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	1.11	0.75	1.2
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	54.15%	39.47%	100%

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Đối với Công ty, an toàn sức khỏe nghề nghiệp là một trong những công tác quan trọng hàng đầu vì đặc thù ngành khí là nơi luôn tiềm ẩn các rủi ro về cháy nổ. Ngoài ra công tác chăm sóc an toàn sức khỏe nghề nghiệp cũng chính là trách nhiệm của của doanh nghiệp đối với người lao động. Ban KT – AT – CL là đơn vị chịu trách nhiệm quản lý về tất cả hoạt động liên quan đến an toàn, sức khỏe và môi trường. Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật là người đại diện điều hành mọi hoạt động trên. Trong năm 2014, Công ty không có lỗi “không tuân thủ” nào trong lĩnh vực an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng đến việc quản lý và đầu tư cho công tác chăm sóc sức khỏe (CSSK) người lao động, coi vấn đề chăm sóc, cải thiện điều kiện sức khỏe người lao động là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng và năng suất lao động. Có sức khỏe tốt cùng với đời sống đảm bảo và môi trường làm việc thân thiện thì người lao động mới hoàn thành tốt công việc và gắn bó lâu dài với Công ty. Vì vậy, mục tiêu của Công ty luôn là: đảm bảo cho người lao động, ngay từ những ngày đầu làm việc tại CNG VIETNAM, được quan tâm chăm sóc, được theo dõi quản lý cũng như nhận thức rõ quyền lợi và trách nhiệm của mình. Đây cũng chính là định hướng cho công tác CSSK của Công ty trong thời gian tới



BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY LUÔN CHÚ TRỌNG ĐẾN VIỆC QUẢN LÝ VÀ ĐẦU TƯ CHO CÔNG TÁC CHĂM SÓC SỨC KHỎE (CSSK) NGƯỜI LAO ĐỘNG, COI VẤN ĐỀ CHĂM SÓC, CẢI THIỆN ĐIỀU KIỆN SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀ MỘT TRONG NHỮNG YẾU TỐ QUYẾT ĐỊNH ĐẾN CHẤT LƯỢNG VÀ NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG.

Chiến lược về con người đã được cam kết ngay từ chính sách An toàn - Sức khỏe - Môi trường (AT-SK-MT), đặc biệt nhấn mạnh hơn khi Công ty từng bước hoàn thiện hệ thống quản lý tích hợp về An toàn - Sức khỏe - Môi trường và chất lượng trong tất cả các khâu hoạt động sản xuất, kinh doanh và đã được cấp chứng chỉ tích hợp các hệ thống quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế OHSAS 18001, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 14001 và chứng chỉ quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO 9001 bởi tổ chức đánh giá chứng nhận quốc tế BSI (Viện tiêu chuẩn Anh).

Hàng năm, công tác Vệ sinh lao động (VSLĐ) được tuân thủ theo Pháp luật, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngay từ những thời kỳ đầu mới thành lập, công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe người lao động, tới các cấp quản lý và người lao động đã được quan tâm thực hiện; đảm bảo 100% người lao động được quản lý hồ sơ sức khỏe và hỗ trợ y tế khi cần thiết.

Công ty luôn cam kết mang lại điều kiện làm việc an toàn và tiện nghi nhất cho người lao động:

- ▣ Đảm bảo cơ sở vật chất đầy đủ, tiện nghi phục vụ cho quá trình làm việc ở tất cả các nơi từ Văn phòng Công ty cho đến Nhà máy, Chi nhánh, trạm con.
- ▣ Phương tiện, công cụ bảo hộ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn an toàn theo Luật Bảo hộ lao động.
- ▣ Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm:
 - » Tập huấn về an toàn lao động: 100% người lao động tại Công ty.
 - » Tập huấn về phòng cháy chữa cháy: 100% người lao động của Công ty.
 - » Tổ chức các cuộc diễn tập phòng cháy chữa cháy hàng năm tại Văn phòng Công ty và Nhà máy.

- » Tham gia các cuộc thi về PCCN, ATVSLĐ của Tổng Công ty tổ chức và đạt các giải cao.
- » Thông qua hoạt động ghi thẻ STOP và thành lập mạng lưới An toàn vệ sinh viên Công ty đã tuyên truyền được văn hóa an toàn đến từng CBCNV nhân viên và công tác an toàn được cải tiến rõ rệt đảm bảo hoạt động sản xuất liên tục và ổn định.

Về tình hình thực hiện chăm lo cho sức khỏe cho người lao động ở CNG VIETNAM những năm qua: Công tác quản lý CSSK người lao động được Công ty đặc biệt quan tâm, 100% trường hợp nhân viên của Công ty được khám sức khỏe. Hàng năm Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, khám sức khỏe cho CBCNV nữ và khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại. Công ty cũng thực hiện lồng ghép khám tầm soát phát hiện, tư vấn điều trị, quản lý các bệnh có nguy cơ cao cho sức khỏe CBCNV như viêm gan siêu vi B, ung thư, lao...; chủ động phòng ngừa dịch bệnh theo các khuyến cáo y tế trên địa bàn như phòng chống sốt xuất huyết, HIV-AIDS, cúm...; thực hiện nguyên tắc phòng bệnh hơn chữa bệnh, đảm bảo sức khỏe cho người lao động. 100% CBCNV của Công ty được mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo quy định và Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân với mức trách nhiệm cao. Bên cạnh đó, CBCNV còn được hướng dẫn, tuyên truyền nâng cao nhận thức để tránh xa các tệ nạn xã hội qua nhiều hình thức như tổ chức nói chuyện chuyên đề, treo băng rôn, khẩu hiệu...



VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHĂM LO CHO SỨC KHOẺ CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG Ở CNG VIETNAM NHỮNG NĂM QUA: CÔNG TÁC QUẢN LÝ CSSK NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC CÔNG TY ĐẶC BIỆT QUAN TÂM, 100% TRƯỜNG HỢP NHÂN VIÊN CỦA CÔNG TY ĐƯỢC KHÁM SỨC KHOẺ.

Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động thông qua các chương trình:

STT	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ	100% CBCNV
2	Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBCNV nữ	100% CBCNV
3	Khám bệnh nghề nghiệp cho CBCNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại	100% CBCNV
4	Bảo hiểm y tế	100% CBCNV
5	Bảo hiểm xã hội	100% CBCNV
6	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	100% CBCNV
7	Bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức ủng hộ của công ty 1.000.000 đồng/tháng/người.	100% CBCNV

Bảng thống kê chỉ số cho chăm sóc sức khỏe nghề nghiệp.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Chi phí bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe cho nhân viên	"	486.36	709.27	771.34
2	Chi phí cho hoạt động chăm sóc sức khỏe	"	336.88	343.24	337.28
3	Số ca tai nạn lao động ảnh hưởng đến khả năng lao động.	"	0	0	0

ĐÓNG GÓP VÀO SỰ PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CÔNG ĐỒNG XÃ HỘI LÀ MỘT TRONG NHỮNG MỤC TIÊU QUAN TRỌNG MÀ CÔNG TY HƯỚNG ĐẾN. SỰ ĐÓNG GÓP CỦA CNG VIETNAM ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA CỘNG ĐỒNG THỂ HIỆN Ở NHIỀU MẶT NHƯ NGHĨA VỤ NỘP THUẾ, TẠO CÔNG ĂN VIỆC LÀM, CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN...

HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG

Đóng góp vào sự phát triển chung của công đồng xã hội là một trong những mục tiêu quan trọng mà công ty hướng đến. Sự đóng góp của CNG VIETNAM đối với sự phát triển của cộng đồng thể hiện ở nhiều mặt như nghĩa vụ nộp thuế, tạo công ăn việc làm, chính sách phúc lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, hoạt động từ thiện...Việc thực hiện công tác hỗ trợ cộng đồng không chỉ là trách nhiệm của Ban Lãnh đạo hay nhóm phụ trách công tác xã hội mà toàn thể người lao động cùng tham gia.

Trong năm 2014, Công ty đã tổ chức nhiều chương trình, hoạt động thiết thực cho công tác bảo vệ môi trường và từ thiện. Các hoạt động này cũng là những hoạt động truyền thống của CNG VIETNAM trong nhiều năm qua.

Đoàn Thanh niên phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn thường xuyên tổ chức trồng cây xanh tại Nhà máy và dọn dẹp tại nơi làm việc. Nhân tháng hành động vì môi trường “xanh, sạch, đẹp”, CNG VIETNAM đã tổ chức chương trình đạp xe đạp xung quanh thành phố và dọn rác tại các bãi biển để tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường và chung tay cùng với công đồng làm cho môi trường ngày càng xanh, sạch, đẹp.

Với chương trình “100 chữ ký cam kết không xả rác thải ra môi trường” CNG VIETNAM đã làm cho ý thức bảo vệ môi trường thấm nhuần vào từng nhân viên của Công ty.

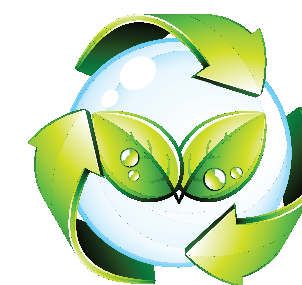
Để giảm thiểu thải khói bụi ra môi trường, Đoàn thanh niên đã tổ chức chương trình đạp xe đạp đi làm vào các ngày thứ sáu trong tuần. Đây cũng là một hoạt động thiết thực góp phần tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV.

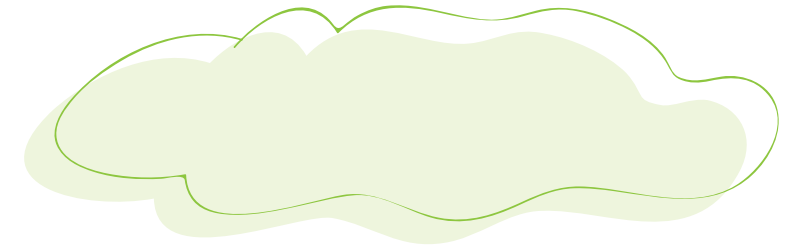
Với tinh thần tương thân, tương ái, Công đoàn cùng với Đoàn thanh niên đã kêu gọi tập thể CBCNV Công ty quyên góp ủng hộ các Kiểm ngư - cảnh sát biển ngày đêm bám biển bảo vệ tổ quốc, ủng hộ các học sinh nghèo hiếu học tại miền Tây Nam bộ.



Như là một hoạt động truyền thống của CNG VIETNAM, trong năm 2014, Công ty đã tổ chức các chương trình có ý nghĩa thiết thực như là tài trợ cho “chương trình trái tim cho em”, tài trợ máy nước nóng cho bệnh viện Lê Lợi, thăm và tặng quà cho các gia đình chính sách, thương bệnh binh, hộ nghèo tại tỉnh Quảng Trị và xã Bông Trang, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Có một hoạt động có ý nghĩa trong năm, đó là chương trình phát suất ăn miễn phí cho bệnh nhân nghèo tại bệnh viện Lê Lợi Vũng Tàu. Đoàn thanh niên Công ty đã vào bếp nấu các suất ăn và phát cho bệnh nhân vào 02 ngày/tháng. Chương trình này còn kéo dài cho đến tháng 6 năm 2015. Hoạt động này có ý nghĩa vô cùng thiết thực vì đã làm cho các bệnh nhân nghèo không những no lòng mà còn ấm lòng trong tình cảm giữa con người đối với con người.





05 / BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Vươn tới mọi tầm **cao**



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Tháng 3 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	100 - 101
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	102 - 103
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	104 - 105
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	106
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	107
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	108 - 126

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Tuấn Ngọc	Chủ tịch
Ông Christoppher Nghĩa Đỗ	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2014)
Ông Đặng Văn Vĩnh	Thành viên
Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2014)
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 15 tháng 9 năm 2014)
Ông Trần Văn Nghị	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2014)

Ban Giám đốc

Ông Đặng Văn Vĩnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- » Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Số: /VN1A-HC-BC

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi đã kiểm tra các bút toán điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh số 3 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính được áp dụng để trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo ý kiến của chúng tôi, các bút toán điều chỉnh này là hợp lý và được áp dụng phù hợp.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0488-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tuấn Ngọc
Kiểm toán viên

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2110-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013 (Trình bày lại)
Đơn vị: VND					
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		521,087,847,405	510,956,953,793
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	288,734,892,821	249,841,848,415
	1. Tiền	111		126,619,892,821	62,192,126,193
	2. Các khoản tương đương tiền	112		162,115,000,000	187,649,722,222
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	7	40,000,000,000	65,000,000,000
	1. Đầu tư ngắn hạn	121		40,000,000,000	65,000,000,000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157,495,348,318	168,576,639,650
	1. Phải thu khách hàng	131		153,510,756,890	152,485,916,105
	2. Trả trước cho người bán	132		3,684,831,426	3,998,356,370
	3. Các khoản phải thu khác	135	8	7,329,351,510	12,092,367,175
	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(7,029,591,508)	-
IV.	Hàng tồn kho	140		21,931,573,085	23,172,660,906
	1. Hàng tồn kho	141	9	21,931,573,085	23,172,660,906
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		12,926,033,181	4,365,804,822
	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7,515,757,001	2,597,369,762
	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,023,983,908	1,284,060,641
	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2,082,821	2,082,821
	4. Tài sản ngắn hạn khác	158		384,209,451	482,291,598
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		120,434,292,003	117,186,139,192
I.	Tài sản cố định	220		112,454,666,260	97,487,234,747
	1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	109,110,332,709	82,057,702,882
	- Nguyên giá	222		554,228,241,388	419,192,144,781
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(445,117,908,679)	(337,134,441,899)
	2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	13,953,516,132
	- Nguyên giá	225		-	42,086,821,615
	- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(28,133,305,483)
	3. Tài sản cố định vô hình	227		712,284,545	51,081,285
	- Nguyên giá	228		1,009,806,700	170,056,700
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(297,522,155)	(118,975,415)
	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		2,632,049,006	1,424,934,448
II.	Tài sản dài hạn khác	260		7,979,625,743	19,698,904,445
	1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	16,581,636,445
	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	11	7,645,625,743	-
	3. Tài sản dài hạn khác	268		334,000,000	3,117,268,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270			641,522,139,408	628,143,092,985

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 01-DN

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013 (Trình bày lại)
Đơn vị: VND					
A.	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		209,154,360,421	205,182,819,325
I.	Nợ ngắn hạn	310		184,284,573,426	167,997,292,456
	1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	44,605,236,280	39,660,229,072
	2. Phải trả người bán	312		122,303,826,744	90,994,504,556
	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	5,550,376,499	24,614,781,875
	4. Phải trả người lao động	315		3,353,545,179	4,535,910,887
	5. Chi phí phải trả	316		5,199,471,738	6,417,666,696
	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		3,272,089,765	1,771,472,149
	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		27,221	2,727,221
II.	Nợ dài hạn	330		24,869,786,995	37,185,526,869
	1. Vay và nợ dài hạn	334	14	17,915,339,356	30,231,079,230
	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		6,954,447,639	6,954,447,639
B.	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		432,367,778,987	422,960,273,660
I.	Vốn chủ sở hữu	410	15	432,367,778,987	422,960,273,660
	1. Vốn điều lệ	411		270,000,000,000	270,000,000,000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1,695,680,000	1,695,680,000
	3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3,554,581,745	3,554,581,745
	4. Cổ phiếu quỹ	414		(3,270,000)	(3,270,000)
	5. Quỹ đầu tư phát triển	417		17,915,375,316	8,727,793,258
	6. Quỹ dự phòng tài chính	418		22,686,989,505	22,686,989,505
	7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		116,518,422,421	116,298,499,152
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440			641,522,139,408	628,143,092,985

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
1. Ngoại tệ		
Đô la Mỹ (USD)	2.868,00	56.913,78

Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểuNguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởngĐặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013 (Trình bày lại)
1. Doanh thu gộp	01	17	1,085,581,454,172	949,780,557,846
2. Doanh thu thuần (10=01)	10		1,085,581,454,172	949,780,557,846
3. Giá vốn hàng bán	11	18	856,053,296,010	744,290,815,621
4. Lợi nhuận gộp (20 = 10-11)	20		229,528,158,162	205,489,742,225
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	14,308,121,402	19,446,432,219
6. Chi phí tài chính	22	21	7,574,405,723	14,690,521,660
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7,483,151,958	14,508,051,373
7. Chi phí bán hàng	24		10,767,950,065	11,805,904,561
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		89,408,732,158	59,443,953,767
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(24+25))	30		136,085,191,618	138,995,794,456
10. Thu nhập khác	31		1,200,300,428	666,571,988
11. Chi phí khác	32		7,245,260,685	1,418,896,862
12. Lỗ từ hoạt động khác (40=31-32)	40	22	(6,044,960,257)	(752,324,874)
13. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		130,040,231,361	138,243,469,582
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	25,196,579,027	23,740,503,784
15. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	10	(7,645,625,743)	-
16. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		112,489,278,077	114,502,965,798
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	4,166	4,377

Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởngĐặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013 (Trình bày lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	130,040,231,361	138,243,469,582
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	80,028,708,037	133,035,047,501
Các khoản dự phòng	03	7,029,591,508	(995,582,676)
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	47,000,265	(3,694,504)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(14,269,835,346)	(19,410,971,420)
Chi phí lãi vay	06	7,483,151,958	14,508,051,373
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	210,358,847,783	265,376,319,856
Thay đổi các khoản phải thu	09	(2,440,150,836)	(25,825,183,085)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1,241,087,821	(1,671,748,465)
Thay đổi các khoản phải trả	11	29,746,371,549	2,473,713,510
Thay đổi chi phí trả trước	12	(650,610,230)	360,654,759
Tiền lãi vay đã trả	13	(7,548,709,434)	(14,713,840,945)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(44,012,243,738)	(14,682,325,980)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2,881,350,147	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(950,308,060)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	189,575,943,062	210,367,281,590
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(89,309,139,550)	(5,865,008,205)
2. Tiền thu hồi từ đầu tư	24	25,000,000,000	50,100,000,000
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5,762,000,000
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	15,565,704,925	17,946,649,730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48,743,434,625)	67,943,641,525
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	10,652,660,000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	37,120,608,400	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(44,556,226,626)	(60,221,554,800)
4. Cổ tức và lợi nhuận đã trả	36	(94,504,331,100)	(64,204,179,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(101,939,949,326)	(113,773,073,800)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	38,892,559,111	164,537,849,315
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	249,841,848,415	85,305,119,116
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	485,295	(1,120,016)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	288,734,892,821	249,841,848,415

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ: Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 986.964.528 đồng, là số tiền mua sắm, xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán (năm 2013: 0 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởngĐặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động trong vòng 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Cổ đông chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 là Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sở hữu 55, 2%). Các cổ đông khác sở hữu 44,8% vốn cổ đông.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án “CNG Việt Nam”) với thời gian hoạt động của dự án 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 190 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 175 người).

Hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 50.000.000 m³/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC

Trong năm, Ban Giám đốc đã quyết định trình bày lại báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 để thực hiện các điều chỉnh liên quan đến quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và thuế nhà thầu cho giai đoạn từ năm 2011 đến năm 2013 căn cứ vào Quyết định số 4385/QĐ-CT ngày 26 tháng 6 năm 2014 ban hành bởi Cục thuế Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Việc lập và trình bày lại báo cáo tài chính năm trước được thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

Chi tiết ảnh hưởng của việc trình bày lại trên báo cáo tài chính của năm trước như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013				
	Mã số	Trình bày năm trước	Số trình bày lại	Thay đổi
		VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	4.076.673.560	24.614.781.875	20.538.108.315
Vốn khác của chủ sở hữu	413	10.172.434.367	3.554.581.745	(6.617.852.622)
Quỹ dự phòng tài chính	418	27.209.759.537	22.686.989.505	(4.522.770.032)
Lợi nhuận chưa phân phối	420	125.695.984.813	116.298.499.152	(9.397.485.661)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013				
	Mã số	Trình bày năm trước	Số trình bày lại	Thay đổi
		VND	VND	VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	58.652.194.036	59.443.953.767	791.759.731
Lợi nhuận trước thuế	50	139.035.229.313	138.243.469.582	(791.759.731)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	15.134.777.854	23.740.503.784	8.605.725.930
Lợi nhuận sau thuế	60	123.900.451.459	114.502.965.798	(9.397.485.661)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.736	4.377	(359)

4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp của Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2014, Công ty đã tiến hành thay đổi ước tính kế toán liên quan đến việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi, cụ thể như sau:

Nợ quá hạn	Mức trích lập dự phòng	
	Năm 2013	Năm 2014
Từ 11 ngày đến dưới 6 tháng	0%	20%
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%	70%
Từ 3 năm trở lên	100%	100%

Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc sử dụng phương pháp trích lập dự phòng phải thu khó đòi như trình bày bên trên sẽ phản ánh hợp lý hơn kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty. Nếu Công ty vẫn áp dụng phương pháp trích lập dự phòng như năm 2013, chi phí dự phòng phải thu khó đòi sẽ giảm 7.029.591.508 đồng, theo đó lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng một khoản tương ứng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Phương tiện vận tải	3 - 8

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm kế toán và phần mềm quản lý nhân sự. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba năm đến mười năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện số tiền nhượng quyền thuê đất, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn 3 năm.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp được trích lập chỉ để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty. Mức trích tối đa là 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc hàng năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc

hàng hóa cho người mua;

Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và

(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Tiền mặt	172.828.498	1.614.501.010
Tiền gửi ngân hàng	126.447.064.323	60.577.625.183
Các khoản tương đương tiền	162.115.000.000	187.649.722.222
	288.734.892.821	249.841.848.415

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 4% đến 5,1% (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: từ 7% đến 8%).

7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi có kỳ hạn	40.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	-	60.000.000.000
	40.000.000.000	65.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với lãi suất được hưởng hàng năm là 4,5%.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Lãi dự thu	668.049.333	1.963.918.912
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	-	5.687.000.000
Thuế giá trị gia tăng của chi phí trích trước	116.975.785	-
Phải thu khác	6.544.326.392	4.441.448.263
	7.329.351.510	12.092.367.175

9. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Nguyên vật liệu	10.832.695.989	21.553.499.452
Công cụ, dụng cụ	44.595.416	33.022.406
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.054.281.680	1.586.139.048
	21.931.573.085	23.172.660.906

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VND					
	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng	
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	8.379.606.961	151.655.395.574	258.610.875.261	546.266.985	419.192.144.781	
Tăng trong năm	-	115.469.455	161.567.337	144.900.000	421.936.792	
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	42.086.821.615	-	42.086.821.615	
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	19.983.601.783	27.498.633.523	44.531.786.894	513.316.000	92.527.338.200	
Tại ngày 31/12/2014	28.363.208.744	179.269.498.552	345.391.051.107	1.204.482.985	554.228.241.388	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	4.286.862.069	116.097.963.664	216.340.088.611	409.527.555	337.134.441.899	
Khấu hao trong năm	3.772.245.119	26.725.073.896	37.479.092.881	220.677.827	68.197.089.723	
Tăng do mua lại TSC thuê tài chính	-	-	39.786.377.057	-	39.786.377.057	
Tại ngày 31/12/2014	8.059.107.188	142.823.037.560	293.605.558.549	630.205.382	445.117.908.679	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2014	20.304.101.556	36.446.460.992	51.785.492.558	574.277.603	109.110.332.709	
Tại ngày 31/12/2013	4.092.744.892	35.557.431.910	42.270.786.650	136.739.430	82.057.702.882	

Theo trình bày tại Thuyết minh số 14, Công ty đã thể chấp một số tài sản có tổng giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 56.242.194.452 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.951.986.273 đồng) làm đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Nguyên giá của tài sản cố định của Công ty bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 262.098.482.897 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 76.560.314.929 đồng).

11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thể hiện chênh lệch tạm thời được khấu trừ giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế đối với giá trị còn lại của các tài sản cố định khấu hao nhanh. Bảng dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm:

	Khấu hao tài sản cố định
	VND
Tại ngày 01/01/2014	-
Ghi nhận vào lợi nhuận trong năm	7.645.625.743
Tại ngày 31/12/2014	7.645.625.743

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 14)	44.605.236.280	29.777.600.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 14)	-	9.882.629.072
	44.605.236.280	39.660.229.072

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013 (Trình bày lại)
Thuế giá trị gia tăng	-	1.359.821.674
Thuế thu nhập cá nhân	37.343.410	384.032.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.513.033.089	22.214.456.383
Thuế nhà thầu	-	656.471.180
	5.550.376.499	24.614.781.875

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Vay dài hạn	62.520.575.636	60.008.679.230
Nợ thuê tài chính dài hạn	-	9.882.629.072
Tổng cộng	62.520.575.636	69.891.308.302
Trong đó:		
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	44.605.236.280	39.660.229.072
- Số phải trả sau 12 tháng	17.915.339.356	30.231.079.230

Chi tiết các khoản vay và nợ dài hạn theo đối tượng:

Tại ngày 01 tháng 11 năm 2010, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Vũng Tàu để tài trợ cho dự án CNG Việt Nam điều chỉnh và dự án đầu tư 6 bồn và rơ moóc. Khoản vay này được giải ngân bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ với tổng hạn mức tín dụng là 208.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 02 tháng 11 năm 2015. Lãi tiền vay được trả hàng tháng với mức lãi suất bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng cộng 3,3%/năm đối với Đồng Việt Nam và lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng cộng 3%/năm đối với Đô la Mỹ. Lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần. Công ty đã thế chấp tất cả tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 0 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.951.986.273 đồng) theo Hợp đồng thế chấp số 286.10.002.0452897.TC.DN ngày 01 tháng 11 năm 2010.

Tại ngày 26 tháng 02 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay trung hạn với Ngân hàng TMCP Đại Dương ("Oceanbank") để bổ sung vốn mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với hạn mức là 60 tỷ đồng và được đáo hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi vay được trả hàng tháng với mức lãi suất trong 6 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm. Kể từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Lãi suất điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ do Oceanbank công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,5%. Tài sản hình thành từ vốn vay và dòng tiền từ tài sản này sẽ được dùng để thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ hoàn trả nợ gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng dựa trên Hợp đồng thế chấp số 25/2014/HDTC-OCEANBANK.CNVUNGTAU ngày 05 tháng 7 năm 2014.

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Đơn vị: VND	
	31/12/2014	31/12/2013
Trong vòng một năm	44.605.236.280	29.777.600.000
Trong năm thứ hai	14.326.671.486	30.231.079.230
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.588.667.870	-
	62.520.575.636	60.008.679.230
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(44.605.236.280)	(29.777.600.000)
Số phải trả sau 12 tháng	17.915.339.356	30.231.079.230

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Đơn vị: VND							
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2013	213.276.380.000	1.695.680.000	3.554.581.745	-	43.002.859.341	21.313.447.579	86.583.436.049	369.426.384.714
Vốn đã góp trong năm	56.723.620.000	-	-	(3.270.000)	(46.067.690.000)	-	-	10.652.660.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	114.502.965.798	114.502.965.798
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(63.982.914.000)	(63.982.914.000)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	11.792.623.917	1.373.541.926	(20.804.988.695)	(7.638.822.852)
Số dư tại ngày 31/12/2013 - Trình bày lại	270.000.000.000	1.695.680.000	3.554.581.745	(3.270.000)	8.727.793.258	22.686.989.505	116.298.499.152	422.960.273.660
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	112.489.278.077	112.489.278.077
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(94.498.855.500)	(94.498.855.500)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	9.187.582.058	-	(17.770.499.308)	(8.582.917.250)
Số dư tại ngày 31/12/2014	270.000.000.000	1.695.680.000	3.554.581.745	(3.270.000)	17.915.375.316	22.686.989.505	116.518.422.421	432.367.778.987

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCD/2014 ngày 04 tháng 4 năm 2014, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2013 là 35% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận chưa phân phối. Trong năm 2014, Công ty đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 94.498.855.500 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi, với số tiền tương ứng là 9.187.582.058 đồng và 8.582.917.250 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCD/2014 ngày 04 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị Công ty số 07/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 7 năm 2014.

Cổ phiếu

	31/12/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	26.999.673	26.999.673
+ Cổ phiếu quỹ	327	327

Công ty chỉ có một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Các cổ phần này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Công ty Cổ phần kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (Công ty mẹ) là cổ đông lớn nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 với số tiền là 149.042.630.000 đồng chiếm tỷ lệ 55.2% vốn điều lệ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 149.042.630.000 đồng chiếm tỷ lệ 55.2% vốn điều lệ). Các cổ đông nhỏ khác đã góp vốn đủ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty.

16. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí CNG. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 17 và số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

17. DOANH THU GỘP

Doanh thu gộp là khoản doanh thu từ bán khí CNG trong năm.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán là giá vốn của khí CNG đã bán trong năm.

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Chi phí nhân công	49,439,680,308	40,136,859,877
Chi phí khấu hao tài sản cố định	80,013,272,516	131,923,690,001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	171,816,083,982	120,252,916,862
Chi phí khác bằng tiền	8,231,826,242	7,643,315,838
	309,500,863,048	299,956,782,578

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Lãi tiền gửi	14.269.835.346	16.648.971.420
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	38.286.056	31.766.295
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.694.504
Cổ tức nhận được	-	100.000.000
Thu nhập từ bán cổ phiếu	-	2.662.000.000
	14.308.121.402	19.446.432.219

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Lãi tiền vay	7.483.151.958	14.508.051.373
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.253.500	182.470.287
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	47.000.265	-
	7.574.405.723	14.690.521.660

22. LỖ TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Thu nhập khác	1.200.300.428	666.571.988
	1.200.300.428	666.571.988
Phạt thuế chậm nộp	7.149.007.365	-
Chi phí khấu hao của tài sản cố định không dùng cho hoạt động kinh doanh	15.435.521	1.111.357.500
Chi phí khác	80.817.799	307.539.362
	7.245.260.685	1.418.896.862
Lỗ từ hoạt động khác	(6.044.960.257)	(752.324.874)

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Đơn vị: VND	
	2014	2013 (Trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	130.040.231.361	138.243.469.582
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	(100.000.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	38.907.848.531	26.619.725.161
Thu nhập chịu thuế	168.948.079.892	164.763.194.743
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 25%	-	39.724.216.798
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 22%	63.549.822.654	-
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 12,5%	-	52.222.071.588
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 11%	67.579.231.957	-
Thu nhập chịu thuế với mức thuế suất 10%	37.819.025.281	72.816.906.357
Thuế thu nhập doanh nghiệp	25.196.579.027	23.740.503.784

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, Công ty được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (năm 2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2011).

Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính toán dựa vào cơ sở dữ liệu sau:

	Đơn vị: VND	
	2014	2013 (Trình bày lại)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	112.489.278.077	114.502.965.798
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	26.999.673	26.162.513
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.166	4.377

25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	Đơn vị: VND	
	2014	2013
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.117.676.060	784.314.545

25. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2014	31/12/2013
Trong vòng một năm	1.113.775.080	353.277.042
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.319.462.166	1.181.105.333
Sau năm năm	9.335.255.625	8.858.290.000
	13.768.492.871	10.392.672.375

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê văn phòng tại Hà Nội. Chi tiết như sau:

- Tổng số tiền thuê 10.000 m² đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 Đô la Mỹ/m² theo Hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và phụ lục.

- Tổng số tiền thuê văn phòng và nhà công vụ tại Hà Nội, Việt Nam với giá thuê hàng tháng lần lượt là 47.927.840 đồng theo Hợp đồng thuê số 08/2014/HDTVP ngày 07 tháng 5 năm 2014 và 18.130.500 đồng theo Hợp đồng số 99/HĐTN/CNGVN-ĐTH ngày 03 tháng 7 năm 2014.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 12 và 14, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu, cổ phiếu quỹ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Đơn vị: VNĐ	
	31/12/2014	31/12/2013
Các khoản vay	62.520.575.636	69.891.308.302
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	288.734.892.821	249.841.848.415
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	432.367.778.987	422.960.273.660
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

	Đơn vị: VNĐ	
	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.734.892.821	249.841.848.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.810.516.892	164.578.283.280
Các khoản đầu tư	40.000.000.000	65.000.000.000
Các khoản ký quỹ	339.000.000	3.122.268.000
Tổng cộng	482.884.409.713	482.542.399.695
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	62.520.575.636	69.891.308.302
Phải trả người bán và phải trả khác	125.575.916.509	92.765.976.705
Chi phí phải trả	5.199.471.738	6.417.666.696
Tổng cộng	193.295.963.883	169.074.951.703

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)****Rủi ro thị trường (tiếp theo)****Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Đơn vị: VND

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Đô la Mỹ (USD)	63.701.961	1.202.871.462	3.449.544.237	6.782.853.840

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm 169.292.114 đồng (năm 2013: 278.999.119 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì Công ty đã thực hiện đánh giá tình hình tài chính của khách hàng trước khi ký hợp đồng cung cấp khí, thực hiện quản lý công nợ chặt chẽ bằng các biện pháp phù hợp như đối chiếu công nợ thường xuyên, đốc thúc khách hàng thanh toán đúng hạn theo hợp đồng và tiến hành trích lập dự phòng các khoản phải thu một cách thận trọng và phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiến mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Đơn vị: VND

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	288.734.892.821	-	288.734.892.821
Phải thu khách hàng và phải thu khác	153.810.516.892	-	153.810.516.892
Các khoản đầu tư	40.000.000.000	-	40.000.000.000
Các khoản ký quỹ	5.000.000	334.000.000	339.000.000
Tổng cộng	482.550.409.713	334.000.000	482.884.409.713
31/12/2014			
Các khoản vay	44.605.236.280	17.915.339.356	62.520.575.636
Phải trả người bán và phải trả khác	125.575.916.509	-	125.575.916.509
Chi phí phải trả	5.199.471.738	-	5.199.471.738
Tổng cộng	175.380.624.527	17.915.339.356	193.295.963.883
Chênh lệch thanh khoản thuần	307.169.785.186	(17.581.339.356)	289.588.445.830
31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	249.841.848.415	-	249.841.848.415
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.578.283.280	-	164.578.283.280
Các khoản đầu tư	65.000.000.000	-	65.000.000.000
Các khoản ký quỹ	5.000.000	3.117.268.000	3.122.268.000
Tổng cộng	479.425.131.695	3.117.268.000	482.542.399.695
31/12/2013			
Các khoản vay	39.660.229.072	30.231.079.230	69.891.308.302
Phải trả người bán và phải trả khác	92.765.976.705	-	92.765.976.705
Chi phí phải trả	6.417.666.696	-	6.417.666.696
Tổng cộng	138.843.872.473	30.231.079.230	169.074.951.703
Chênh lệch thanh khoản thuần	340.581.259.222	(27.113.811.230)	313.467.447.992

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	Công ty mẹ
IEV Group	Cổ đông
IEV Energy SDN.BHD	Cổ đông
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí OSC	Cùng tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTPC - Công ty Dịch vụ Khí	Cùng tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Đơn vị: VNĐ

	2014	2013
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	468.126.328.544	404.952.978.851
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	152.207.124.451	97.726.487.582
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	1.717.899.588	1.326.954.201
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	5.087.992.312	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí OSC	629.082.000	-
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	144.392.313	1.070.017.798
Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	2.352.306.297	-
Chi phí xây dựng văn phòng		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	19.983.601.783	-
Chi phí sử dụng thương hiệu		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	10.855.739.043	9.497.805.782
Cổ tức chi trả trong kỳ		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	52.164.920.500	36.770.388.000
IEV Group	5.059.189.500	8.321.037.000
IEV Energy SDN.BHD	2.708.949.000	2.764.050.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty được hưởng trong năm như sau:

Đơn vị: VNĐ

	2014	2013
Lương, thưởng và thù lao	5.525.152.221	6.700.659.680

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Đơn vị: VNĐ

	2014	2013
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Khí thấp áp Việt Nam	97.439.191.174	72.671.498.221
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	10.648.646.779	11.798.368.738
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Miền Đông	25.807.800	139.131.300
Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Dịch vụ Khí	1.488.284.629	936.380.500
Chi phí phải trả		
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	2.750.948.835	5.019.927.412

Phan Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Đặng Văn Vĩnh
Tổng Giám đốc

Ngày 02 tháng 3 năm 2015



BẢNG THAM CHIẾU ĐẾN TIÊU CHUẨN GRI

Mục tham chiếu theo GRI	Nội dung	Báo cáo năm 2014	Nội dung trong báo cáo	Trang
1. Chiến lược và phân tích				
G4-1	Tuyên bố của lãnh đạo cấp cao nhất của tổ chức	✓	Thư gửi cổ đông của chủ tịch Hội đồng Quản trị	4
G4-2	Mô tả các tác động, rủi ro và cơ hội chính	✓	Rủi ro và cơ hội	47
G4-3	Tên của công ty	✓	Tổng quan về CNG VIETNAM	6
G4-4	Sản phẩm dịch vụ chính	✓	Lĩnh vực hoạt động	15
G4-5	Địa chỉ trụ sở chính	✓	Trang bìa sau của báo cáo	
G4-6	Số lượng các quốc gia công ty có hoạt động, tên các quốc gia hoặc các khu vực hoạt động chủ yếu hoặc khu vực có liên quan đến vấn đề phát triển bền vững được đề cập trong báo cáo	✓	Địa bàn kinh doanh	15
G4-7	Loại hình sở hữu và hình thức pháp lý	✓	Mô hình quản trị	18
G4-8	Thị trường phục vụ (bao gồm cả phân tích địa lý, ngành phục vụ và các loại hình khách hàng)	✓	Địa bàn kinh doanh	15
G4-9	Quy mô của Công ty	✓	Quá trình tăng vốn	14
G4-10	Thống kê về lực lượng lao động	✓	Sơ đồ tổ chức	26
G4-11	Tỷ lệ phần trăm người lao động được hưởng thỏa ước lao động tập thể	✓	100% (Phát huy tính dân chủ của người lao động trong Công tác lao động)	27
G4-14	Báo cáo về việc doanh nghiệp có hay không cảnh báo trước về các vấn đề tiềm tàng gây ảnh hưởng đến môi trường	✓	Môi trường	81
G4-16	Hội viên các hiệp hội	☒		
2. Phạm vi ranh giới Báo cáo				
G4-18	Quá trình xác định nội dung báo cáo và ranh giới báo cáo; Qui tắc áp dụng để xây dựng nội dung báo cáo	✓	Tổng quan	74
G4-19	Liệt kê các vấn đề trọng yếu trong quá trình xây dựng nội dung báo cáo	✓	Mối quan tâm kỳ vọng của các bên liên quan và nội dung báo cáo tương ứng	80
G4-23	Thay đổi lớn so với kỳ báo cáo trước (về phạm vi và các vấn đề báo cáo)	☒		

Mục tham chiếu theo GRI	Nội dung	Báo cáo năm 2014	Nội dung trong báo cáo	Trang
Sự tham gia của các bên liên quan				
G4-24	Danh sách nhóm của các bên liên quan với doanh nghiệp	✓	Sự tham gia của các bên liên quan	78
G4-25	Cơ sở lựa chọn và xác định các bên liên quan	✓	Các bên liên quan quan trọng	78
G4-26	Phương pháp tiếp cận đối với sự tham gia của các bên liên quan	✓	Cơ chế tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan	78 - 79
G4-27	Các chủ đề và mối quan tâm chính được nêu ra trong quá trình tham gia của bên liên quan; doanh nghiệp phản hồi thế nào với nội dung trên (bao gồm phản hồi qua báo cáo)	✓	Mối quan tâm kỳ vọng của các bên liên quan và nội dung báo cáo tương ứng	80
Hồ sơ Báo cáo				
G4-28	Giai đoạn báo cáo	✓	Tổng quan	74
G4-29	Thời gian của báo cáo gần nhất	✓	Tổng quan	74
G4-30	Chu kỳ báo cáo	✓	Tổng quan	74
G4-31	Địa chỉ liên hệ (nếu có)	✓	Tổng quan	74
Danh mục nội dung GRI				
G4-32	Phương án lựa chọn báo cáo của doanh nghiệp	✓	Báo cáo tích hợp	
G4-34	Sơ đồ bộ máy quản trị bao gồm Ban Lãnh đạo cấp cao nhất. Nêu rõ bộ phận chịu trách nhiệm về các quyết định đối với vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội	✓	Sơ đồ tổ chức	19
G4-35	Phân quyền đối với các vấn đề kinh tế, môi trường và xã hội từ lãnh đạo cấp cao nhất đến các cấp thực hiện	✓	Quản trị phát triển bền vững	77
G4-36	Công ty bổ nhiệm vị trí chuyên trách về các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường không, các vị trí này có báo cáo trực tiếp lên lãnh đạo cấp cao hay không	✓	Quản trị phát triển bền vững	77
G4-37	Quá trình tham gia tư vấn, phản hồi của các bên liên quan với cấp cao nhất liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường	✓	Cơ chế tiếp nhận ý kiến từ các bên liên quan	50 - 51
G4-38	Báo cáo về thành phần lãnh đạo cấp cao nhất và các ủy ban liên quan	✓	Hội đồng Quản trị	78 - 79
G4-39	Nêu rõ nếu Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng là Tổng Giám đốc	✓	Hội đồng Quản trị	58
Vai trò của HĐQT trong việc thiết lập mục tiêu, giá trị và chiến lược				
G4-42	Vai trò của HĐQT và các lãnh đạo cấp cao trong việc xây dựng, phê duyệt và cập nhật các mục tiêu, giá trị hay sứ mệnh, chiến lược, chính sách, mục tiêu liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường	✓	Quản trị phát triển bền vững	77

Mục tham chiếu theo GRI	Nội dung	Báo cáo năm 2014	Nội dung trong báo cáo	Trang
Đánh giá năng lực và hiệu quả hoạt động của HĐQT				
G4-43	Phương thức để tăng cường kiến thức về kinh tế, xã hội, môi trường cho các thành viên HĐQT	✓	Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:	60
G4-44	Quá trình đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT liên quan đến vấn đề KT-XH-MT; Hành động tiếp theo sau khi đánh giá hiệu quả hoạt động bao gồm thay đổi thành viên hay quá trình thực thi của doanh nghiệp	✓	Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2014	58
G4-47	Tần suất HĐQT thực hiện rà soát các ảnh hưởng, rủi ro và chọi liên quan đến KT-XH-MT	✓	Hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2014 (Bảng Nghị quyết/quyết định HĐQT ban hành trong năm 2014)	58 - 59
Vai trò của HĐQT trong việc triển khai nội dung Báo cáo PTBV				
G4-48	Bộ phận chịu trách nhiệm rà soát và phê duyệt báo cáo PTBV trong doanh nghiệp và đảm bảo rằng các vấn đề được đề cập đầy đủ trong báo cáo	✓	Thông tin Bộ phận phụ trách lập báo cáo	74
Thù lao và các khoản lợi ích				
G4-50	Cơ chế chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Lãnh đạo Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả có được áp dụng trong cơ chế chi trả của doanh nghiệp hay không, đặc biệt với việc thực hiện mục tiêu KT-XH-MT	✓	Các giao dịch, thù lao của Ban Điều hành	63
CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ				
MỤC TIÊU KINH TẾ				
1. Hiệu quả kinh tế				
G4-EC1	Các giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra và phân bổ	✓	Tình hình tài chính	34 - 35
FS	Chú thích thêm về giá trị các chương trình đầu tư cộng đồng và phân bổ khoản đầu tư cộng đồng theo từng chủ điểm	✓	Hỗ trợ cộng đồng	94
2. Hiện diện trên thị trường				
G4-EC5	Tỷ lệ so sánh giữa mức lương xuất phát điểm tiêu chuẩn với các mức lương tối thiểu địa phương (xét tại những địa bàn trọng điểm)	✓	Trân trọng giá trị lao động (Bảng thống kê thu nhập bình quân của người lao động)	86 - 87

Mục tham chiếu theo GRI	Nội dung	Báo cáo năm 2014	Nội dung trong báo cáo	Trang
3. Các ảnh hưởng kinh tế gián tiếp				
MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG				
1. Năng lượng				
		✓	Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước	82 - 83
2. Nước				
		✓	Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước	82 - 83
3. Phát thải, nước thải và chất thải				
		✓	Môi trường	81 - 82
6. Sản phẩm và dịch vụ				
G4-EN27	Các sáng kiến nhằm giảm thiểu tác động môi trường của các sản phẩm, dịch vụ và mức độ giảm thiểu tác động.	✓	Nâng cao ý thức nhân viên trong việc tiết kiệm năng lượng và tài nguyên nước	82 - 83
9. Vận tải				
G4-EN30	Các tác động lớn tới môi trường của việc vận chuyển các sản phẩm, hàng hóa và vật liệu được sử dụng cho các hoạt động của doanh nghiệp và vận chuyển người lao động	✓	An toàn trong sản xuất	84 - 85
MỤC TIÊU XÃ HỘI				
SỬ DỤNG LAO ĐỘNG				
1. Việc làm				
G4-LA1	Tổng số lực lượng lao động, tỷ lệ tuyển dụng mới, tỷ lệ thôi việc phân loại theo độ tuổi, giới tính và khu vực	✓	Công tác lao động	26 - 27
G4-LA2	Các trợ cấp cho nhân viên làm việc toàn thời gian mà không được dành cho người lao động tạm thời hoặc bán thời gian	✓	Công tác lao động	26 - 27
2. Quan hệ lao động				
G4-LA3	Thời gian thông báo tối thiểu liên quan đến những thay đổi lớn trong vận hành, ngay cả khía cạnh liệu điều này có được quy định cụ thể trong thoả ước tập thể hay không	✓	Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện	88 - 89
3. Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp				
G4-LA5	Tỷ lệ chấn thương, bệnh nghề nghiệp, ngày nghỉ ốm, sự vắng mặt và số trường hợp tử vong có liên quan đến làm việc theo từng khu vực	✓	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	91 - 92

Mục tham chiếu theo GRI	Nội dung	Báo cáo năm 2014	Nội dung trong báo cáo	Trang
G4-LA6	Tổ chức các chương trình giáo dục, đào tạo, tư vấn, phòng ngừa và kiểm soát rủi ro để hỗ trợ lực lượng lao động, gia đình của họ hoặc các thành viên trong cộng đồng ứng phó với các bệnh nguy hiểm	✓	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	91 - 92
G4-LA7	Các vấn đề về sức khỏe và an toàn lao động được đề cập trong thỏa thuận chính thức với công đoàn.	✓	An toàn và sức khỏe nghề nghiệp	91 - 92
4. Đào tạo và giáo dục				
G4-LA8	Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo giới tính và theo phân loại nhân viên.	✓	Thời gian làm việc, nghỉ ngơi	26
G4-LA9	Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp	✓	Về đào tạo	27
G4-LA10	Tỷ lệ phần trăm của người lao động nhận được đánh giá thường xuyên về hiệu suất công việc và phát triển sự nghiệp.	✓	Giáo dục và đào tạo	90
5. Đa dạng và công bằng trong năm bắt cơ hội				
G4-LA12	Thành phần của bộ máy quản lý và phân loại nhân viên theo giới tính, nhóm tuổi, thành viên nhóm dân tộc thiểu số và các chỉ số phản ánh mức độ đa dạng khác.	✓	Sơ đồ cơ cấu lao động	26
NHÂN QUYỀN				
1. Không phân biệt đối xử				
G4-HR3b	Tổng số sự vụ bị phân biệt đối xử và hành động đáp ứng	✓	Tạo cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp	87
2. Các vấn đề về tự do lập hội và thương lượng tập thể				
G4-HR4	Các hoạt động được xác định có các quyền tự do lập hội và thương lượng tập thể, có nguy cơ bị xâm phạm và các hành động hỗ trợ các quyền đó.	✓	Sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện	88
XÃ HỘI				
1. Cộng đồng địa phương				
G4-SO1	Bản chất, phạm vi và hiệu quả của bất kỳ chương trình và hoạt động đánh giá và quản lý các tác động của hoạt động đối với cộng đồng, bao gồm từ việc bắt đầu, triển khai, và kết thúc	✓	Hỗ trợ cộng đồng	94



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM
CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY

Lầu 7 GAS TOWER, số 61B đường 30/4,
Phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
[T] : 064 3574635 - 064 3574801 - 064 3576551
[F] : 064 3574619

www.cng-vietnam.com